BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06/2014/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Trị.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH QUẢNG TRỊ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Trị được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Trị được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa. Địa danh có kèm theo ký hiệu dấu "*" là địa danh thuộc vùng tranh chấp.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện", TX. Là chữ viết tắt của "thị xã".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH QUẢNG TRỊ

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Trị gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Đông Hà	
2	Thị xã Quảng Trị	
3	Huyện Cam Lộ	
4	Huyện Đa Krông	
5	Huyện Gio Linh	
6	Huyện Hải Lăng	
7	Huyện Hướng Hóa	
8	Huyện Triệu Phong	
9	Huyện Vĩnh Linh	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khu phố 1	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 23"	107° 05' 52"					E-48-83-A-c
khu phố 2	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 25"	107° 05' 42"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 18"	107° 05' 31"					E-48-83-A-c
khu phố 4	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 04"	107° 05' 22"					E-48-83-A-c
khu phố 5	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 48' 47"	107° 05' 34"					E-48-83-A-c
khu phố 6	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 03"	107° 05' 39"					E-48-83-A-c
khu phố 7	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 48' 56"	107° 05' 50"					E-48-83-A-c
khu phố 8	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 05"	107° 05' 59"					E-48-83-A-c
khu phố 9	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 12"	107° 06' 05"					E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	P. 1	TP. Đông Hà			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 49' 07"	107° 05' 04"	E-48-83-A-c
chợ Đông Hà	KX	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 15"	107° 05' 25"					E-48-83-A-c
đường Hàm Nghi	KX	P. 1	TP. Đông Hà			16° 49' 07"	107° 05' 44"	16° 48' 08"	107° 06' 03"	E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	P. 1	TP. Đông Hà			16° 48' 43"	106° 57' 05"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-83-A-c
đường Hùng Vương	KX	P. 1	TP. Đông Hà			16° 49' 17"	107° 05' 47"	16° 48' 54"	107° 05' 57"	E-48-83-A-c
đường Lê Duẩn	KX	P. 1	TP. Đông Hà			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-A-c
Khe Lược	TV	P. 1	TP. Đông Hà			16° 48' 50"	107° 04' 41"	16° 49' 37"	107° 05' 30"	E-48-83-A-c
đường Nguyễn Huệ	KX	P. 1	TP. Đông Hà			16° 49' 10"	107° 05' 50"	16° 49' 17"	107° 05' 18"	E-48-83-A-c
đường Nguyễn Trãi	KX	P. 1	TP. Đông Hà			16° 49' 13"	107° 06' 13"	16° 48' 57"	107° 05' 10"	E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khu phố Tây Trì	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 29"	107° 05' 22"					E-48-83-A-c
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. 1	TP. Đông Hà			16° 54' 24"	107° 11' 33"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-A-c
khu phố 1	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 45"	107° 06' 19"					E-48-83-A-c
khu phố 2	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 40"	107° 06' 13"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 37"	107° 06' 09"					E-48-83-A-c
khu phố 4	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 32"	107° 06' 07"					E-48-83-A-c
khu phố 5	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 28"	107° 06' 02"					E-48-83-A-c
khu phố 6	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 25"	107° 06' 08"					E-48-83-A-c
khu phố 7	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 21"	107° 06' 12"					E-48-83-A-c
khu phố 8	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 20"	107° 06' 19"					E-48-83-A-c
khu phố 9	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 14"	107° 06' 22"					E-48-83-A-c
khu phố 10	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 09"	107° 06' 22"					E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	P. 2	TP. Đông Hà			16° 48' 43"	106° 57' 05"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-83-A-c
đường Lê Duẩn	KX	P. 2	TP. Đông Hà			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-c
khu phố 1	DC	P. 3	TP. Đông Hà	16° 49' 30"	107° 04' 55"					E-48-83-A-c
khu phố 2	DC	P. 3	TP. Đông Hà	16° 49' 45"	107° 05' 09"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. 3	TP. Đông Hà	16° 49' 11"	107° 04' 31"					E-48-83-A-c
khu phố 4	DC	P. 3	TP. Đông Hà	16° 49' 02"	107° 04' 17"					E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khu phố 5	DC	P. 3	TP. Đông Hà	16° 48' 56"	107° 04' 37"					E-48-83-A-c
khu phố 6	DC	P. 3	TP. Đông Hà	16° 49' 08"	107° 05' 05"					E-48-83-A-c
khu phố 7	DC	P. 3	TP. Đông Hà	16° 48' 49"	107° 05' 05"					E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	P. 3	TP. Đông Hà			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	P. 3	TP. Đông Hà			16° 48' 43"	106° 57' 05"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-83-A-c
khu phố Khe Lấp	DC	P. 3	TP. Đông Hà	16° 46' 31"	107° 02' 46"					E-48-83-A-c
hồ Khe Mây	TV	P. 3	TP. Đông Hà	16° 48' 36"	107° 04' 39"					E-48-83-A-c
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đường 9	KX	P. 3	TP. Đông Hà	16° 46' 39"	107° 01' 18"					E-48-83-A-c
Khe Lược	TV	P. 3	TP. Đông Hà			16° 48' 50"	107° 04' 41"	16° 49' 37"	107° 05' 30"	E-48-83-A-c
Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị	KX	P. 3	TP. Đông Hà	16° 48' 47"	107° 04' 27"					E-48-83-A-c
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. 3	TP. Đông Hà			16° 49' 30"	107° 05' 56"	16° 49' 07"	107° 05' 04"	E-48-83-A-c
sông Vĩnh Phước	TV	P. 3	TP. Đông Hà			16° 45' 21"	107° 00' 45"	16° 48' 29"	107° 08' 40"	E-48-83-A-c
Động Vóc	SV	P. 3	TP. Đông Hà	16° 45' 09"	107° 02' 30"					E-48-83-A-c E-48-83-C
khu phố 1	DC	P. 4	TP. Đông Hà	16° 48' 22"	107° 03' 04"					E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khu phố 2	DC	P. 4	TP. Đông Hà	16° 48' 16"	107° 03' 11"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. 4	TP. Đông Hà	16° 48' 28"	107° 03' 12"					E-48-83-A-c
khu phố 4	DC	P. 4	TP. Đông Hà	16° 48' 44"	107° 03' 39"					E-48-83-A-c
khu phố 5	DC	P. 4	TP. Đông Hà	16° 48' 56"	107° 03' 51"					E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	P. 4	TP. Đông Hà			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-A-c
Nghĩa trang Liệt sỹ Quốc gia Đường 9	KX	P. 4	TP. Đông Hà	16° 48' 33"	107° 03' 29"					E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	P. 4	TP. Đông Hà			16° 48' 43"	106° 57' 05"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-83-A-c
Xí nghiệp X334	KX	P. 4	TP. Đông Hà	16° 48' 48"	107° 03' 58"					E-48-83-A-c
khu phố 1	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 53"	107° 06' 21"					E-48-83-A-c
khu phố 2	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 32"	107° 06' 17"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 47"	107° 06' 08"					E-48-83-A-c
khu phố 4	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 42"	107° 05' 59"					E-48-83-A-c
khu phố 5	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 43"	107° 05' 40"					E-48-83-A-c
khu phố 6	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 35"	107° 05' 43"					E-48-83-A-c
khu phố 7	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 07"	107° 05' 30"					E-48-83-A-c
khu phố 8	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 11"	107° 05' 22"					E-48-83-A-c
khu phố 9	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 19"	107° 05' 46"					E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 9	KX	P. 5	TP. Đông Hà			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-A-c
khu phố 10	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 18"	107° 05' 59"					E-48-83-A-c
khu phố 11	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 35"	107° 05' 24"					E-48-83-A-c
đường Hàm Nghi	KX	P. 5	TP. Đông Hà			16° 49' 07"	107° 05' 44"	16° 48' 08"	107° 06' 03"	E-48-83-A-c
đường Lê Lợi	KX	P. 5	TP. Đông Hà			16° 48' 59"	107° 06' 08"	16° 48' 16"	107° 06' 44"	E-48-83-A-c
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. 5	TP. Đông Hà			16° 48' 25"	107° 06' 59"	16° 48' 05"	107° 05' 27"	E-48-83-A-c
đường Ngô Quyền	KX	P. 5	TP. Đông Hà			16° 48' 54"	107° 06' 12"	16° 48' 43"	107° 05' 47"	E-48-83-A-c
đường Nguyễn Du	KX	P. 5	TP. Đông Hà			16° 48' 33"	107° 05' 36"	16° 48' 05"	107° 05' 27"	E-48-83-A-c
đường Tôn Thất Thuyết	KX	P. 5	TP. Đông Hà			16° 48' 53"	107° 06' 13"	16° 48' 40"	107° 05' 38"	E-48-83-A-c
khu phố 1	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 49' 45"	107° 05' 47"					E-48-83-A-c
khu phố 2	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 49' 58"	107° 05' 53"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 50' 07"	107° 06' 09"					E-48-83-A-c
khu phố 4	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 50' 45"	107° 05' 54"					E-48-83-A-c
khu phố 5	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 50' 46"	107° 06' 14"					E-48-83-A-c
khu phố 6	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 50' 38"	107° 06' 27"					E-48-83-A-c
khu phố 7	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 50' 33"	107° 06' 35"					E-48-83-A-c
khu phố 8	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 50' 37"	107° 06' 59"					E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khu phố 9	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 50' 18"	107° 06' 53"					E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	P. Đông Giang	TP. Đông Hà			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-c
khu phố 10	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 51' 35"	107° 06' 17"					E-48-83-A-c
cồn An Lạc	TV	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 49' 36"	107° 05' 41"					E-48-83-A-c
cầu Bến Lội	KX	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 51' 24"	107° 06' 22"					E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	P. Đông Giang	TP. Đông Hà			16° 48' 43"	106° 57' 05"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-83-A-c
đường Lê Duẩn	KX	P. Đông Giang	TP. Đông Hà			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-c
Hói Sòng	TV	P. Đông Giang	TP. Đông Hà			16° 50' 56"	107° 04' 26"	16° 50' 11"	107° 06' 44"	E-48-83-A-c
sông Thạch Hãn	TV	P. Đông Giang	TP. Đông Hà			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
sông Trúc Khê	TV	P. Đông Giang	TP. Đông Hà			16° 52' 38"	107° 03' 47"	16° 50' 52"	107° 07' 23"	E-48-83-A-c
khu phố 1A	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 49' 08"	107° 06' 29"					E-48-83-A-c
khu phố 1B	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 48' 58"	107° 06' 38"					E-48-83-A-c
khu phố 2	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 49' 58"	107° 05' 53"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 48' 45"	107° 06' 46"					E-48-83-A-c
khu phố 4	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 50' 45"	107° 05' 54"					E-48-83-A-c
khu phố 5	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 50' 46"	107° 06' 14"					E-48-83-A-c
khu phố 6	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 49' 37"	107° 07' 31"					E-48-83-A-d
khu phố 7	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 49' 39"	107° 07' 10"					E-48-83-A-c
khu phố 8	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 50' 00"	107° 07' 09"					E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khu phố 9	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 48' 19"	107° 06' 29"					E-48-83-A-c
ga Đông Hà	KX	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 48' 43"	107° 06' 44"					E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà			16° 48' 43"	106° 57' 04"	16° 50' 29"	107° 07' 21"	E-48-83-A-c
đường Lê Duẩn	KX	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-c
đường Lê Lợi	KX	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà			16° 48' 59"	107° 06' 08"	16° 48' 16"	107° 06' 44"	E-48-83-A-c
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà			16° 48' 25"	107° 06' 59"	16° 48' 05"	107° 05' 27"	E-48-83-A-c
sông Thạch Hãn	TV	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d E-48-83-A-c
hồ Trung Chỉ	TV	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 47' 45"	107° 05' 44"					E-48-83-A-c
khu phố 1	DC	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 48' 11"	107° 06' 41"					E-48-83-A-c
khu phố 2	DC	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 48' 21"	107° 06' 49"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 47' 57"	107° 06' 51"					E-48-83-A-c
khu phố Đại Áng	DC	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 48' 15"	107° 07' 22"					E-48-83-A-d
chùa Hải Sơn	KX	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 46' 53"	107° 05' 18"					E-48-83-A-c
khu phố Lai Phước	DC	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 47' 06"	107° 07' 18"					E-48-83-A-c
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đường 9	KX	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 46' 39"	107° 01' 18"					E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đường Lê Duẩn	KX	P. Đông Lương	TP. Đông Hà			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-c
đường Lê Lợi	KX	P. Đông Lương	TP. Đông Hà			16° 48' 59"	107° 06' 08"	16° 48' 16"	107° 06' 44"	E-48-83-A-c
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Đông Lương	TP. Đông Hà			16° 48' 25"	107° 06' 59"	16° 48' 05"	107° 05' 27"	E-48-83-A-c
khu công nghiệp Nam Đông Hà	KX	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 47' 54"	107° 07' 05"					E-48-83-A-c
khu phố Tân Vĩnh	DC	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 46' 33"	107° 06' 26"					E-48-83-A-c
sông Thạch Hãn	TV	P. Đông Lương	TP. Đông Hà			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
khu phố Trung Chỉ	DC	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 48' 25"	107° 07' 08"					E-48-83-A-c
khu phố Vĩnh Phước	DC	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 48' 08"	107° 08' 13"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Phước	TV	P. Đông Lương	TP. Đông Hà			16° 45' 21"	107° 00' 45"	16° 48' 29"	107° 08' 40"	E-48-83-A-c
khu phố 1	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 56"	107° 05' 30"					E-48-83-A-c
khu phố 2	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 48' 21"	107° 06' 49"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 54"	107° 04' 59"					E-48-83-A-c
khu phố 4	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 46"	107° 04' 47"					E-48-83-A-c
khu phố 5	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 37"	107° 04' 37"					E-48-83-A-c
khu phố 6	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 32"	107° 04' 27"					E-48-83-A-c
khu phố 7	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 21"	107° 04' 18"					E-48-83-A-c
khu phố 8	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 10"	107° 04' 02"					E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khu phố 9	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 09"	107° 03' 52"					E-48-83-A-c
khu phố 10	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 53"	107° 03' 39"					E-48-83-A-c
khu phố 11	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 55"	107° 04' 15"					E-48-83-A-c
đồi Bồ Chao	SV	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 51"	107° 03' 35"					E-48-83-A-c
Hói Cạn	TV	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà			16° 49' 22"	107° 03' 04"	16° 49' 24"	107° 04' 27"	E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà			16° 48' 43"	106° 57' 05"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-83-A-c
đường Lê Duẩn	KX	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-c
Hói Sòng	TV	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà			16° 50' 56"	107° 04' 26"	16° 50' 11"	107° 06' 44"	E-48-83-A-c
khu phố 1	DC	P. 1	TX. Quảng Trị	16° 44' 21"	107° 10' 55"					E-48-83-A-d
khu phố 2	DC	P. 1	TX. Quảng Trị	16° 44' 20"	107° 11' 15"					E-48-83-A-d
khu phố 3	DC	P. 1	TX. Quảng Trị	16° 43' 59"	107° 11' 16"					E-48-83-A-d
khu phố 4	DC	P. 1	TX. Quảng Trị	16° 44' 38"	107° 11' 15"					E-48-83-A-d
đường Hai Bà Trưng	KX	P. 1	TX. Quảng Trị			16° 44' 28"	107° 11' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-C
đường Lê Duẩn	KX	P. 1	TX. Quảng Trị			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-C
kênh N2A	TV	P. 1	TX. Quảng Trị			16° 43' 36"	107° 11' 19"	16° 38' 39"	107° 17' 28"	E-48-83-C
kênh chính Nam Thạch Hãn	TV	P. 1	TX. Quảng Trị			16° 41' 46"	107° 08' 37"	16° 47' 29"	107° 14' 36"	E-48-83-C
sông Thạch Hãn	TV	P. 1	TX. Quảng Trị			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-C
hồ Tích Tường	TV	P. 1	TX. Quảng Trị	16° 43' 52"	107° 11' 03"					E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khu phố 1	DC	P. 2	TX. Quảng Trị	16° 45' 05"	107° 10' 59"					E-48-83-A-d
khu phố 2	DC	P. 2	TX. Quảng Trị	16° 45' 31"	107° 11' 07"					E-48-83-A-d
khu phố 3	DC	P. 2	TX. Quảng Trị	16° 45' 07"	107° 11' 10"					E-48-83-A-d
khu phố 4	DC	P. 2	TX. Quảng Trị	16° 45' 32"	107° 11' 21"					E-48-83-A-d
khu phố 5	DC	P. 2	TX. Quảng Trị	16° 45' 25"	107° 11' 38"					E-48-83-A-d
kênh N4	TV	P. 2	TX. Quảng Trị			16° 45' 58"	107° 12' 12"	16° 42' 06"	107° 18' 50"	E-48-83-A-d E-48-83-C
kênh chính Nam Thạch Hãn	TV	P. 2	TX. Quảng Trị			16° 41' 46"	107° 08' 37"	16° 47' 29"	107° 14' 36"	E-48-83-A-d
đường Nguyễn Thị Lý	KX	P. 2	TX. Quảng Trị			16° 44' 28"	107° 11' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-A-d
Thành cổ Quảng Trị	KX	P. 2	TX. Quảng Trị	16° 45' 18"	107° 11' 16"					E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	P. 2	TX. Quảng Trị			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-C E-48-83-A-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. 2	TX. Quảng Trị			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-C E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	P. 2	TX. Quảng Trị			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
khu phố 1	DC	P. 3	TX. Quảng Trị	16° 44' 53"	107° 10' 57"					E-48-83-C
khu phố 2	DC	P. 3	TX. Quảng Trị	16° 45' 01"	107° 11' 53"					E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khu phố 3	DC	P. 3	TX. Quảng Trị	16° 44' 44"	107° 10' 59"					E-48-83-C
khu phố 4	DC	P. 3	TX. Quảng Trị	16° 45' 03"	107° 11' 34"					E-48-83-C
khu phố 5	DC	P. 3	TX. Quảng Trị	16° 44' 46"	107° 11' 16"					E-48-83-C
khu phố 6	DC	P. 3	TX. Quảng Trị	16° 45' 02"	107° 11' 11"					E-48-83-C
khu phố 7	DC	P. 3	TX. Quảng Trị	16° 44' 56"	107° 11' 09"					E-48-83-C
khu phố 8	DC	P. 3	TX. Quảng Trị	16° 44' 48"	107° 11' 41"					E-48-83-C
đường Hai Bà Trưng	KX	P. 3	TX. Quảng Trị			16° 44' 28"	107° 11' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-C
đường Lê Duẩn	KX	P. 3	TX. Quảng Trị			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-C
kênh chính Nam Thạch Hãn	TV	P. 3	TX. Quảng Trị			16° 41' 46"	107° 08' 37"	16° 47' 29"	107° 14' 36"	E-48-83-C E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	P. 3	TX. Quảng Trị			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-C E-48-83-A-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. 3	TX. Quảng Trị			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-C
khu phố 1	DC	P. An Đôn	TX. Quảng Trị	16° 43' 55"	107° 10' 07"					E-48-83-C E-48-83-A-d
khu phố 2	DC	P. An Đôn	TX. Quảng Trị	16° 44' 05"	107° 10' 31"					E-48-83-C
khu phố 3	DC	P. An Đôn	TX. Quảng Trị	16° 44' 45"	107° 10' 39"					E-48-83-C E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khu phố 4	DC	P. An Đôn	TX. Quảng Trị	16° 44' 55"	107° 10' 37"					E-48-83-C E-48-83-A-d
khu phố 5	DC	P. An Đôn	TX. Quảng Trị	16° 45' 20"	107° 10' 46"					E-48-83-C E-48-83-A-d
đường Lê Duẩn	KX	P. An Đôn	TX. Quảng Trị			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-C E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	P. An Đôn	TX. Quảng Trị			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-C E-48-83-A-d
Bàu Vịt	TV	P. An Đôn	TX. Quảng Trị			16° 45' 22"	107° 10' 32"	16° 44' 10"	107° 10' 24"	E-48-83-C E-48-83-A-d
hồ Đập Trấm	TV	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 41' 18"	107° 08' 38"					E-48-83-C
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Triệu Hải	KX	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 38' 51"	107° 08' 45"					E-48-83-C
kênh chính Nam Thạch Hãn	TV	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị			16° 41' 46"	107° 08' 37"	16° 47' 29"	107° 14' 36"	E-48-83-C
thôn Như Lệ	DC	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 42' 18"	107° 09' 34"					E-48-83-C
khe Như Lệ	TV	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị			16° 41' 46"	107° 09' 18"	16° 43' 00"	107° 10' 00"	E-48-83-C
thôn Phước Môn	DC	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 41' 58"	107° 10' 11"					E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
hồ Phước Môn	TV	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 40' 35"	107° 09' 42"					E-48-83-C
thôn Tân Lệ	DC	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 41' 46"	107° 09' 03"					E-48-83-C
thôn Tân Mỹ	DC	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 40' 38"	107° 08' 34"					E-48-83-C
sông Thạch Hãn	TV	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-C
thôn Tích Tường	DC	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 43' 14"	107° 10' 50"					E-48-83-C
Khe Trái	TV	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị			16° 36' 28"	107° 06' 56"	16° 40' 20"	107° 07' 00"	E-48-83-C
Bàu Trong	TV	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 43' 28"	107° 11' 08"					E-48-83-C
khu phố 1	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 25"	106° 59' 21"					E-48-82-B
khu phố 2	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 34"	106° 59' 47"					E-48-82-B
khu phố 3	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 39"	107° 00' 00"					E-48-82-B
khu phố 4	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 33"	107° 00' 17"					E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-B E-48-83-A-c
khu phố An Hưng	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 39"	106° 59' 13"					E-48-82-B
khu phố Đông Định	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 49' 01"	107° 00' 21"					E-48-83-A-c
Cầu Đuồi	KX	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 49' 15"	107° 00' 38"					E-48-83-A-c
khu phố Hậu Viên	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 45"	107° 00' 11"					E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ			16° 48' 43"	106° 57' 04"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-82-B E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 33"	107° 00' 17"	E-48-83-A-c
khu phố Nam Hùng	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 47' 49"	106° 59' 48"					E-48-82-B
khu phố Nghĩa Hy	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 47' 47"	107° 00' 20"					E-48-82-B
hồ Nghĩa Hy	TV	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 47' 08"	107° 00' 05"					E-48-82-B E-48-83-A-c
khe Tân Trụ	TV	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ			16° 47' 28"	107° 00' 24"	16° 49' 11"	107° 00' 45"	E-48-83-A-c
khu phố Tây Hòa	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 47"	106° 59' 27"					E-48-82-B
khu phố Thiết Tràng	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 05"	107° 00' 30"					E-48-83-A-c
khu phố Thượng Nguyên	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 49' 02"	107° 00' 33"					E-48-83-A-c
khu phố Thượng Viên	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 46"	106° 59' 50"					E-48-82-B
khu phố Trung Viên	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 56"	107° 00' 10"					E-48-83-A-c
quốc lộ 1A	KX	xã Cam An	H. Cam Lộ			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	xã Cam An	H. Cam Lộ			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-c
đường tỉnh 578	KX	xã Cam An	H. Cam Lộ			16° 52' 23"	107° 04' 54"	16° 53' 13"	106° 59' 27"	E-48-83-A-c
thôn An Xuân	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 50' 47"	107° 05' 06"					E-48-83-A-c
thôn Cẩm Thạch	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 50' 51"	107° 05' 14"					E-48-83-A-c
Bàu Đá	TV	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 51' 00"	107° 05' 02"					E-48-82-A-c
thôn Kim Đâu	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 51' 07"	107° 05' 19"					E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Mỹ Hòa	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 51' 40"	107° 03' 53"					E-48-83-A-c
thôn Phi Thừa	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 50' 58"	107° 05' 47"					E-48-83-A-c
thôn Phổ Lại	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 50' 25"	107° 04' 52"					E-48-83-A-c
thôn Phổ Lại Phường	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 50' 40"	107° 05' 23"					E-48-83-A-c
thôn Phú Hậu	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 51' 16"	107° 04' 50"					E-48-83-A-c
Hói Sòng	TV	xã Cam An	H. Cam Lộ			16° 50' 56"	107° 04' 26"	16° 50' 11"	107° 06' 44"	E-48-83-A-c
thôn Trúc Khê	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 52' 09"	107° 04' 53"					E-48-83-A-c
sông Trúc Khê	TV	xã Cam An	H. Cam Lộ			16° 52' 38"	107° 03' 47"	16° 50' 52"	107° 07' 22"	E-48-83-A-a E-48-83-A-c
thôn Trúc Kinh	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 52' 03"	107° 05' 26"					E-48-83-A-c
hồ Trúc Kinh	TV	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 52' 46"	107° 03' 22"					E-48-83-A-a E-48-83-A-c
kênh Trúc Kinh	TV	xã Cam An	H. Cam Lộ			16° 52' 51"	107° 03' 43"	16° 53' 38"	107° 07' 53"	E-48-83-A-c
thôn Xuân Khê	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 51' 57"	107° 04' 08"					E-48-83-A-c
đường tỉnh 585	KX	xã Cam Chính	H. Cam Lộ			16° 48' 03"	106° 58' 47"	16° 44' 56"	106° 56' 02"	E-48-82-B
thôn Cồn Trung	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 44' 43"	106° 57' 24"					E-48-82-D
suối Đá Bàn	TV	xã Cam Chính	H. Cam Lộ			16° 43' 55"	106° 59' 40"	16° 45' 21"	107° 00' 45"	E-48-82-D E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Đốc Kỉnh	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 44' 53"	106° 57' 45"					E-48-82-D
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đường 9	KX	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 46' 39"	107° 01' 18"					E-48-82-B E-48-82-D E-48-83-A-c
thôn Lộc An	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 44' 03"	106° 57' 18"					E-48-82-D
thôn Mai Đàn	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 43' 54"	106° 57' 52"					E-48-82-D
thôn Mai Lộc 1	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 44' 22"	106° 58' 27"					E-48-82-D
thôn Mai Lộc 2	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 44' 29"	106° 57' 56"					E-48-82-D
thôn Mai Lộc 3	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 44' 13"	106° 58' 02"					E-48-82-D
thôn Minh Hương	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 45' 44"	106° 58' 29"					E-48-82-B
Trại giam Nghĩa An	KX	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 42' 29"	106° 57' 51"					E-48-82-D
thôn Sơn Nam	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 45' 06"	106° 59' 05"					E-48-82-B
thôn Tân Chính	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 45' 27"	106° 58' 00"					E-48-82-D
thôn Thanh Nam	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 45' 20"	106° 59' 38"					E-48-82-B
thôn Thiết Xá	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 43' 35"	106° 58' 10"					E-48-82-D
thôn Thượng Nghĩa	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 43' 15"	106° 58' 21"					E-48-82-D
khe Trộ Đó	TV	xã Cam Chính	H. Cam Lộ			16° 45' 31"	106° 56' 49"	16° 45' 21"	107° 00' 45"	E-48-82-B E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Trung Chỉ	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 44' 00"	106° 58' 39"					E-48-82-D
Rào Vịnh	TV	xã Cam Chính	H. Cam Lộ			16° 43' 45"	106° 53' 56"	16° 43' 55"	106° 59' 40"	E-48-82-D
quốc lộ 9	KX	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-A-c
thôn Bích Giang	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 49' 12"	107° 02' 11"					E-48-83-A-c
Hói Cạn	TV	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ			16° 49' 22"	107° 03' 04"	16° 49' 24"	107° 04' 27"	E-48-83-A-c
Khe Chua	TV	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ			16° 47' 50"	107° 01' 13"	16° 48' 27"	107° 02' 34"	E-48-83-A-c
suối Đá Bàn	TV	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ			16° 43' 55"	106° 59' 40"	16° 45' 21"	107° 00' 45"	E-48-82-D E-48-83-C
thôn Định Xá	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 48' 44"	107° 02' 28"					E-48-83-A-c
thôn Đường 9	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 48' 23"	107° 02' 01"					E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ			16° 48' 43"	106° 57' 04"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-82-B E-48-83-A-c
hồ Hiếu Nam	TV	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 47' 42"	107° 02' 27"					E-48-83-A-c
Trung tâm Khoa học Kỹ thuật Sản xuất Lâm nghiệp Bắc Trung Bộ	KX	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 46' 39"	107° 01' 18"					E-48-83-A-c
thôn Mộc Đức	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 48' 36"	107° 03' 03"					E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Tân Hiếu	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 48' 17"	107° 02' 38"					E-48-83-A-c
khe Tân Trụ	TV	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ			16° 47' 28"	107° 00' 24"	16° 49' 11"	107° 00' 45"	E-48-83-A-c
thôn Tân Trúc	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 48' 15"	107° 01' 07"					E-48-83-A-c
thôn Thạch Đâu	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 49' 21"	107° 01' 19"					E-48-83-A-c
khe Trộ Đó	TV	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ			16° 45' 31"	106° 56' 49"	16° 45' 21"	107° 00' 45"	E-48-82-B E-48-83-A-c
thôn Trương Xá	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 48' 52"	107° 03' 19"					E-48-83-A-c
thôn Vĩnh An	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 49' 06"	107° 00' 49"					E-48-83-A-c
thôn Vĩnh Đại	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 48' 23"	107° 02' 17"					E-48-83-A-c
sông Vĩnh Phước	TV	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ			16° 45' 21"	107° 00' 45"	16° 48' 29"	107° 08' 40"	E-48-83-A-c E-48-83-C
đường tỉnh 585	KX	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ			16° 48' 03"	106° 58' 47"	16° 44' 56"	106° 56' 02"	E-48-82-B
núi Ba Hồ	SV	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 03"	106° 52' 36"					E-48-82-B
thôn Bảng Sơn 1	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 37"	106° 57' 21"					E-48-82-B
thôn Bảng Sơn 2	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 21"	106° 57' 23"					E-48-82-B
thôn Bảng Sơn 3	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 44' 54"	106° 57' 18"					E-48-82-D
thôn Cam Lộ Phường	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 43"	106° 57' 38"					E-48-82-B
thôn Cu Hoan	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 44' 43"	106° 56' 15"					E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Định Sơn	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 22"	106° 56' 18"					E-48-82-B
thôn Đông Lai	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 30"	106° 56' 58"					E-48-82-B
đập Động Lòi	KX	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 49"	106° 55' 58"					E-48-82-B
Khe Gió	TV	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ			16° 45' 25"	106° 53' 46"	16° 47' 02"	106° 53' 44"	E-48-82-B
thôn Hoàn Cát	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 44' 59"	106° 54' 44"					E-48-82-D
đập Khe Măng	KX	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 44' 58"	106° 55' 53"					E-48-82-D
Núi Kiếm	SV	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 46' 58"	106° 56' 22"					E-48-82-B
thôn Nghĩa Phong	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 44' 58"	106° 56' 14"					E-48-82-D
Công ty Cổ phần Nông sản Tân Lâm	KX	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 36"	106° 56' 52"					E-48-82-B E-48-82-D
thôn Phương An 1	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 44' 42"	106° 57' 03"					E-48-82-D
thôn Phương An 2	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	17° 44' 43"	106° 56' 43"					E-48-82-D
thôn Quật Xá	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 14"	106° 55' 25"					E-48-82-D
thôn Tân Sơn	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 46' 18"	106° 57' 04"					E-48-82-B
thôn Thượng Nghĩa	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 44' 49"	106° 55' 39"					E-48-82-D
Động Toàn	SV	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 42' 05"	106° 53' 36"					E-48-82-D
khe Trộ Đó	TV	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ			16° 45' 31"	106° 56' 49"	16° 45' 21"	107° 00' 45"	E-48-82-B E-48-83-A-c
Rào Vịnh	TV	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ			16° 43' 45"	106° 53' 56"	16° 43' 55"	106° 59' 40"	E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 1A	KX	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ			16° 50' 37"	107° 04' 55"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-c
thôn An Bình	DC	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ	16° 50' 30"	107° 04' 27"					E-48-83-A-c
Xóm Ấp	DC	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ	16° 51' 21"	107° 04' 14"					E-48-83-A-c
cầu Bàu Đá	KX	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ	16° 50' 59"	107° 04' 39"					E-48-83-A-c
thôn Cam Lộ	DC	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ	16° 50' 12"	107° 04' 29"					E-48-83-A-c
Bàu Đá	TV	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ	16° 51' 00"	107° 05' 02"					E-48-83-A-c
Cầu Dừa	KX	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ	16° 50' 18"	107° 03' 52"					E-48-83-A-c
thôn Phú Ngạn	DC	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ	16° 50' 17"	107° 03' 25"					E-48-83-A-c
Hói Sòng	TV	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ			16° 50' 56"	107° 04' 26"	16° 50' 11"	107° 06' 44"	E-48-83-A-c
hồ Trúc Kinh	TV	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ	16° 52' 46"	107° 03' 22"					E-48-83-A-a E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	xã Cam Thành	H. Cam Lộ			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-A-c
đường tỉnh 585	KX	xã Cam Thành	H. Cam Lộ			16° 48' 03"	106° 58' 47"	16° 44' 56"	106° 56' 02"	E-48-82-B
núi Ba Hồ	SV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 45' 03"	106° 52' 36"					E-48-82-B E-48-82-D
núi Bà Tum	SV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 46' 17"	106° 53' 20"					E-48-82-B
sông Cam Lộ	TV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ			16° 50' 23"	106° 38' 30"	16° 48' 43"	106° 57' 04"	E-48-82-B
thôn Cam Phú 1	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 14"	106° 55' 02"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Cam Phú 2	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 04"	106° 54' 33"					E-48-82-B
thôn Cam Phú 3	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 46' 58"	106° 54' 18"					E-48-82-B
cầu Đầu Mầu	KX	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 00"	106° 53' 43"					E-48-82-B
Khe Gió	TV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ			16° 45' 25"	106° 53' 46"	16° 47' 02"	106° 53' 44"	E-48-82-B
Sông Hiếu	TV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ			16° 48' 43"	106° 57' 04"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-82-B
Núi Kiếm	SV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 46' 58"	106° 56' 22"					E-48-82-B
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đường 9	KX	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 46' 39"	107° 01' 18"					E-48-82-B E-48-82-D
thôn Ngô Đồng	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 48' 19"	106° 59' 09"					E-48-82-B
Công ty Cổ phần Nông sản Tân Lâm	KX	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 45' 36"	106° 56' 52"					E-48-82-B
thôn Phan Xá	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 46"	106° 59' 04"					E-48-82-B
hồ Phan Xá	TV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 01"	106° 58' 46"					E-48-82-B
thôn Phước Tuyền	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 48' 25"	106° 58' 50"					E-48-82-B
thôn Phường Cội	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 36"	106° 58' 39"					E-48-82-B
thôn Quật Xá	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 48' 37"	106° 57' 43"					E-48-82-B
thôn Tân Định	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 48' 20"	106° 58' 56"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đèo Tân Lâm	SV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 46' 17"	106° 51' 30"					E-48-82-B
thôn Tân Mỹ	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 48' 25"	106° 58' 15"					E-48-82-B
thôn Tân Phú	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 46' 51"	106° 54' 34"					E-48-82-B
thôn Tân Trang	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 54"	106° 58' 36"					E-48-82-B
thôn Tân Tường	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 41"	106° 57' 49"					E-48-82-B
thôn Tân Xuân 1	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 22"	106° 55' 54"					E-48-82-B
thôn Tân Xuân 2	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 28"	106° 56' 19"					E-48-82-B
thôn Thượng Lâm	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 46' 59"	106° 52' 01"					E-48-82-B
sông Trịnh Hin	TV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ			16° 47' 47"	106° 45' 00"	16° 47' 26"	106° 52' 00"	E-48-82-B
quốc lộ 9	KX	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-c
đồi Bồ Chao	SV	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 51"	107° 03' 35"					E-48-83-A-c
thôn Cam Vũ 1	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 50"	107° 02' 22"					E-48-83-A-c
thôn Cam Vũ 2	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 59"	107° 02' 36"					E-48-83-A-c
thôn Cam Vũ 3	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 53"	107° 02' 55"					E-48-83-A-c
Hói Cạn	TV	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ			16° 49' 22"	107° 03' 04"	16° 49' 24"	107° 04' 27"	E-48-83-A-c
Bàu Cúc	TV	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 48"	107° 02' 15"					E-48-83-A-c
Bàu Cụt	TV	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 06"	107° 02' 41"					E-48-83-A-c
hồ Đá Lã	TV	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 50' 28"	107° 00' 58"					E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Cầu Đuổi	KX	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 15"	107° 00' 38"					E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ			16° 48' 43"	106° 57' 04"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-83-A-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 33"	107° 00' 17"	E-48-83-A-c
thôn Lâm Lang 1	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 18"	107° 02' 29"					E-48-83-A-c
thôn Lâm Lang 2	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 35"	107° 01' 47"					E-48-83-A-c
thôn Lâm Lang 3	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 50' 07"	107° 01' 25"					E-48-83-A-c
thôn Nhật Lệ	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 34"	107° 03' 11"					E-48-83-A-c
thôn Tam Hiệp	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 33"	107° 00' 58"					E-48-83-A-c
thôn Tân Xuân	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 50' 59"	107° 00' 51"					E-48-83-A-c
thôn Thiện Chánh	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 51' 07"	107° 01' 26"					E-48-83-A-c
thôn Thọ Xuân	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 50' 11"	107° 02' 53"					E-48-83-A-c
hồ Trúc Kinh	TV	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 52' 46"	107° 03' 22"					E-48-83-A-a E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-c
thôn An Mỹ	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 40"	107° 00' 40"					E-48-83-A-c
thôn An Thái	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 34"	106° 59' 54"					E-48-82-B
thôn Ba Thung	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 00"	106° 59' 00"					E-48-82-B
thôn Bắc Bình	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 05"	106° 59' 39"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Bản Chùa	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 58"	106° 55' 45"					E-48-82-B
sông Cam Lộ	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 50' 23"	106° 38' 30"	16° 48' 43"	106° 57' 04"	E-48-82-B
Khe Chùa	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 48' 56"	106° 53' 13"	16° 49' 47"	106° 56' 40"	E-48-82-B
xóm Cu Đinh	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 51' 49"	106° 54' 40"					E-48-82-B
núi Đá Bạc	SV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 50' 51"	106° 57' 51"					E-48-82-B
khe Đá Bông	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 50' 33"	106° 56' 57"	16° 49' 16"	106° 58' 07"	E-48-82-B
hồ Đá Lã	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 50' 28"	107° 00' 58"					E-48-83-A-c
hồ Đá Mài	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 16"	106° 55' 08"					E-48-82-B
khe Đá Mài	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 48' 35"	106° 53' 56"	16° 48' 51"	106° 58' 37"	E-48-82-B
thôn Đâu Bình 1	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 48' 59"	106° 58' 05"					E-48-82-B
thôn Đâu Bình 2	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 43"	106° 57' 29"					E-48-82-B
Sông Hiếu	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 48' 43"	106° 57' 04"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-82-B E-48-83-A-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 33"	107° 00' 17"	E-48-83-A-c
núi Hồ Khê	SV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 51' 19"	106° 58' 01"					E-48-82-B
núi Ki Ơ	SV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 48' 42"	106° 56' 05"					E-48-82-B
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Đường 9	KX	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 46' 39"	107° 01' 18"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Lèn Đôi	SV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 48' 07"	106° 50' 03"					E-48-82-B
Núi Mó	SV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 48' 08"	106° 55' 03"					E-48-82-B
Núi Một	SV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 46' 52"	106° 51' 06"					E-48-82-B
Khe Mướp	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 52' 48"	106° 55' 25"	16° 56' 05"	106° 56' 42"	E-48-82-B
Sông Ngân	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 50' 09"	106° 51' 23"	16° 52' 48"	106° 55' 25"	E-48-82-B
Công ty Cổ phần Nông sản Tân Lâm	KX	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 45' 36"	106° 56' 52"					E-48-82-B
núi Phu Lơ	SV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 48' 42"	106° 53' 21"					E-48-82-B
thôn Tân Hiệp	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 48' 58"	106° 58' 28"					E-48-82-B
thôn Tân Hòa	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 07"	106° 57' 08"					E-48-82-B
hồ Tân Kim	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 51"	106° 58' 10"					E-48-82-B
thôn Tân Lập	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 56"	106° 59' 59"					E-48-83-A-c
thôn Tân Quang	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 58"	106° 56' 25"					E-48-82-B
xóm Trảng Rộng	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 52' 39"	106° 56' 04"					E-48-82-B
sông Trịnh Hin	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 47' 47"	106° 45' 00"	16° 47' 26"	106° 52' 00"	E-48-82-B
núi Trọt Môn	SV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 50' 26"	106° 58' 27"					E-48-82-B
thôn Xuân Mỹ	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 44"	106° 58' 57"					E-48-82-B
khóm 1	DC	TT. Krông Klang	H. Đa Krông	16° 41' 10"	106° 52' 54"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khóm 2	DC	TT. Krông Klang	H. Đa Krông	16° 41' 24"	106° 52' 59"					E-48-82-B
quốc lộ 9	KX	TT. Krông Klang	H. Đa Krông			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-D
khóm A Rồng	DC	TT. Krông Klang	H. Đa Krông	16° 42' 32"	106° 52' 32"					E-48-82-D
sông Ba Lòng	TV	TT. Krông Klang	H. Đa Krông			16° 41' 02"	106° 52' 16"	16° 38' 50"	107° 04' 08"	E-48-82-D
núi Động Toàn	SV	TT. Krông Klang	H. Đa Krông	16° 43' 08"	106° 53' 39"					E-48-82-D
khóm Khe Xong	DC	TT. Krông Klang	H. Đa Krông	16° 42' 02"	106° 52' 37"					E-48-82-B
khóm Làng Cát	DC	TT. Krông Klang	H. Đa Krông	16° 41' 13"	106° 53' 33"					E-48-82-B
Khe Mèo	TV	TT. Krông Klang	H. Đa Krông			16° 43' 33"	106° 52' 45"	16° 42' 00"	106° 52' 27"	E-48-82-D
khe Săn Ruôi	TV	TT. Krông Klang	H. Đa Krông			16° 43' 35"	106° 50' 46"	16° 41' 05"	106° 53' 05"	E-48-82-D
Khe Sôm	TV	TT. Krông Klang	H. Đa Krông			16° 42' 19"	106° 50' 43"	16° 41' 04"	106° 52' 16"	E-48-82-D
thôn 4*	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 22' 43"	107° 02' 42"					E-48-95-A
thôn 5*	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 22' 28"	107° 02' 31"					E-48-95-A
thôn 6*	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 22' 00"	107° 01' 28"					E-48-95-A
thôn 7*	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 21' 37"	107° 01' 23"					E-48-95-A
thôn A Bung*	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 23' 08"	107° 02' 59"					E-48-95-A
cầu A Bung	KX	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 23' 47"	107° 04' 06"					E-48-95-A
núi A Chê	SV	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 21' 35"	107° 04' 14"					E-48-95-A
núi Á Doa	SV	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 23' 50"	107° 08' 48"					E-48-95-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn A Luông	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 23' 02"	107° 03' 12"					E-48-95-A
khe A Sôốc	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 24' 05"	107° 03' 51"	16° 23' 44"	107° 04' 00"	E-48-95-A
suối An Cheng	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 19' 19"	107° 01' 13"	16° 21' 43"	107° 00' 52"	E-48-95-A
khe Ba Lê	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 26' 53"	107° 04' 18"	16° 30' 23"	106° 59' 59"	E-48-95-A
núi Ca Rông	SV	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 20' 31"	107° 02' 17"					E-48-95-A
núi Cay Đrứt	SV	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 24' 00"	107° 06' 53"					E-48-95-A
thôn Cu Tài 1	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 22' 46"	107° 02' 27"					E-48-95-A
thôn Cu Tài 2	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 22' 23"	107° 01' 54"					E-48-95-A
sông Đa Krông	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 24' 37"	107° 05' 44"	16° 41' 02"	106° 52' 16"	E-48-95-A
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 39' 33"	106° 48' 52"	16° 23' 47"	107° 06' 01"	E-48-95-A
thôn Kê*	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 23' 35"	107° 03' 37"					E-48-95-A
thôn Kê 1*	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 24' 35"	107° 05' 10"					E-48-95-A
Thôn Kúp	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 23' 49"	107° 03' 00"					E-48-95-A
thôn La Hót	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 21' 37"	107° 00' 37"					E-48-95-A
suối La Hót	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 19' 19"	106° 58' 45"	16° 21' 45"	107° 00' 44"	E-48-95-A
núi Lây Xa Ri	SV	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 19' 19"	107° 01' 47"					E-48-95-A
thôn Li Leng*	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 21' 57"	107° 04' 43"					E-48-95-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
cầu Li Leng	KX	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 21' 58"	107° 04' 45"					E-48-95-A
suối Li Leng	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 21' 58"	107° 04' 45"	16° 22' 34"	107° 02' 28"	E-48-95-A
Làng Ngà	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 21' 18"	107° 03' 28"					E-48-95-A
suối Pa Ngao	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 23' 25"	107° 06' 34"	16° 24' 37"	107° 05' 44"	E-48-95-A
suối Pa Ra Ây	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 20' 07"	107° 03' 40"	16° 22' 00"	107° 01' 22"	E-48-95-A
núi Pa Ra Hiệt	SV	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 21' 55"	107° 02' 05"					E-48-95-A
suối Pa Rộc	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 18' 59"	107° 02' 13"	16° 21' 29"	107° 02' 11"	E-48-95-A
núi Plăng	SV	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 27' 00"	107° 05' 15"					E-48-95-A
cầu Tà Rụt	KX	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 23' 51"	107° 04' 26"					E-48-95-A
suối Tân Tưng	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 22' 37"	107° 04' 22"	16° 23' 11"	107° 03' 26"	E-48-95-A
Suối Trù	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 26' 37"	107° 05' 49"	16° 24' 41"	107° 05' 21"	E-48-95-A
thôn Ty Nê	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 22' 44"	107° 02' 32"					E-48-95-A
thôn A Đang	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 22' 29"	107° 00' 16"					E-48-95-A
thôn A Đeng	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 22' 00"	107° 00' 43"					E-48-95-A
thôn A La	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 23' 09"	106° 59' 44"					E-48-94-B
xóm A La Rây	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 22' 50"	106° 59' 54"					E-48-95-A
thôn A Ngo	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 23' 28"	106° 59' 17"					E-48-95-A
thôn A Rông dưới	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 22' 35"	107° 00' 09"					E-48-95-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn A Rông trên	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 21' 56"	107° 00' 59"					E-48-95-A
cầu A Rông trên	KX	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 21' 43"	107° 00' 50"					E-48-95-A
phu A Sau	SV	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 18' 11"	106° 58' 04"					E-48-94-B
thôn Ăng Công	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 23' 15"	106° 58' 30"					E-48-95-A
suối Ăng Công	TV	xã A Ngo	H. Đa Krông			16° 22' 23"	106° 56' 39"	16° 23' 10"	106° 57' 30"	E-48-94-B
Cầu Bản	KX	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 20' 51"	106° 59' 08"					E-48-95-A
núi Cà Nưu	SV	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 22' 03"	106° 58' 12"					E-48-94-B
núi Ca Va	SV	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 23' 06"	107° 01' 06"					E-48-95-A
Núi Chẻ	SV	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 20' 59"	106° 57' 55"					E-48-94-B
Cụm Cơ Động 4	KX	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 22' 13"	107° 00' 48"					E-48-95-A
sông Đa Krông	TV	xã A Ngo	H. Đa Krông			16° 24' 37"	107° 05' 44"	16° 41' 02"	106° 52' 16"	E-48-94-B
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã A Ngo	H. Đa Krông			16° 39' 33"	106° 48' 52"	16° 23' 47"	107° 06' 01"	E-48-94-B E-48-95-A
núi Kì Soong	SV	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 24' 28"	106° 57' 50"					E-48-94-B
xóm Kỳ Chuông	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 23' 30"	106° 58' 58"					E-48-95-A
thôn Kỳ Ne	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 23' 24"	106° 58' 41"					E-48-94-B
Trạm kiểm soát Biên phòng Kỳ Ne	KX	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 23' 11"	106° 57' 36"					E-48-95-A
cầu La Hót	KX	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 21' 49"	107° 00' 33"					E-48-94-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối La Hót	TV	xã A Ngo	H. Đa Krông			16° 19' 19"	106° 58' 45"	16° 21' 45"	107° 00' 44"	E-48-94-B
thôn La Lay	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 20' 31"	106° 59' 10"					E-48-95-A
Cửa khẩu La Lay	KX	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 19' 10"	106° 58' 39"					E-48-94-B
suối Pa Linh	TV	xã A Ngo	H. Đa Krông			16° 26' 27"	106° 55' 15"	16° 23' 35"	106° 58' 45"	E-48-94-B
suối Pi Rào	TV	xã A Ngo	H. Đa Krông			16° 23' 28"	107° 01' 17"	16° 23' 19"	106° 59' 47"	E-48-95-A
phu A Pặt	SV	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 27' 11"	106° 53' 13"					E-48-94-B
thôn A Sau	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 26' 51"	106° 54' 36"					E-48-94-B
núi A Tăng	SV	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 23' 35"	106° 54' 21"					E-48-94-B
thôn A Vao	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 23' 31"	106° 56' 35"					E-48-94-B
suối Ăm Băng	TV	xã A Vao	H. Đa Krông			16° 26' 40"	106° 52' 47"	16° 23' 35"	106° 56' 49"	E-48-94-B
suối Ăng Công	TV	xã A Vao	H. Đa Krông			16° 22' 23"	106° 56' 39"	16° 23' 10"	106° 57' 30"	E-48-94-B
Núi Cọ	SV	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 26' 16"	106° 53' 13"					E-48-94-B
Xóm Đang	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 25' 51"	106° 53' 12"					E-48-94-B
Núi Đang	SV	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 25' 09"	106° 55' 55"					E-48-94-B
núi Kì Soong	SV	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 24' 28"	106° 57' 50"					E-48-94-B
bản Kỳ Nỏi	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 27' 21"	106° 54' 15"					E-48-94-B
bản Pa Lin	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 27' 32"	106° 54' 28"					E-48-94-B
suối Pa Lin	TV	xã A Vao	H. Đa Krông			16° 27' 31"	106° 54' 50"	16° 26' 27"	106° 55' 15"	E-48-94-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối Pa Linh	TV	xã A Vao	H. Đa Krông			16° 26' 27"	106° 55' 15"	16° 23' 35"	106° 58' 45"	E-48-94-B
núi Pa Sưm	SV	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 25' 06"	106° 58' 03"					E-48-94-B
Núi Phố	SV	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 23' 06"	106° 56' 01"					E-48-94-B
thôn Ro Ró 1	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 22' 40"	106° 56' 22"					E-48-94-B
thôn Ro Ró 2	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 23' 17"	106° 56' 57"					E-48-94-B
thôn Tân Đi 1	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 24' 23"	106° 56' 53"					E-48-94-B
thôn Tân Đi 2	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 23' 56"	106° 55' 39"					E-48-94-B
thôn Tân Đi 3	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 24' 59"	106° 57' 00"					E-48-94-B
sông Ái Tử	TV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông			16° 40' 14"	107° 01' 23"	16° 48' 11"	107° 08' 26"	E-48-83-A-d E-48-83-C
Trạm kiểm lâm Ba Lòng	KX	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 15"	107° 03' 00"					E-48-83-C
khe Ba Lòng	TV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông			16° 37' 19"	107° 02' 29"	16° 38' 13"	107° 02' 48"	E-48-83-C
sông Ba Lòng	TV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông			16° 41' 02"	106° 52' 16"	16° 38' 50"	107° 04' 08"	E-48-82-D E-48-83-C
Xóm Bơng	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 34"	107° 04' 02"					E-48-83-C
thôn Cây Chanh	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 27"	106° 59' 42"					E-48-83-C
núi Đá Bàn	SV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 37' 23"	106° 58' 34"					E-48-82-D
thôn Đá Nổi	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 19"	107° 01' 00"					E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Khe Đâu	TV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông			16° 37' 15"	107° 01' 04"	16° 38' 27"	107° 01' 12"	E-48-83-C
thôn Hà Vụng	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 12"	107° 00' 35"					E-48-83-C
xóm Hải Quy	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 37' 53"	107° 02' 37"					E-48-83-C
thôn Khe Cau	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 55"	106° 58' 28"					E-48-82-D
thôn Lương Hạ	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 17"	107° 00' 04"					E-48-83-C
thôn Mai Sơn	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 42"	106° 59' 22"					E-48-83-C
thôn Tân Trà	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 37' 42"	107° 01' 53"					E-48-83-C
sông Thạch Hãn	TV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-82-D E-48-83-C
thôn Thạch Xá	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 07"	107° 01' 20"					E-48-83-C
khe Thụ Lụ	TV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông			16° 36' 30"	107° 00' 08"	16° 38' 23"	107° 00' 47"	E-48-83-C
thôn Vạn Đá Nổi	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 22"	107° 01' 02"					E-48-82-D
thôn Văn Vận	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 37' 55"	107° 01' 42"					E-48-83-C
Rào Vịnh	TV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông			16° 43' 45"	106° 53' 56"	16° 43' 55"	106° 59' 40"	E-48-82-D
Khe Vò	TV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông			16° 37' 29"	107° 00' 00"	16° 38' 31"	107° 00' 26"	E-48-83-C
đường tỉnh 587	KX	xã Ba Nang	H. Đa Krông			16° 37' 39"	106° 44' 07"	16° 34' 33"	106° 50' 14"	E-48-82-C E-48-82-D
Đồn Biên phòng 621	KX	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 34' 38"	106° 49' 28"					E-48-82-D
thôn A La	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 35' 44"	106° 52' 16"					E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Ba Nang	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 35' 14"	106° 51' 32"					E-48-82-D
Bản Bù	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 31' 45"	106° 53' 17"					E-48-83-A-d E-48-83-C
núi Co Pát	SV	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 33' 00"	106° 49' 44"					E-48-82-D
Thôn Cóc	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 33' 28"	106° 50' 36"					E-48-82-D
Suối Cóc	TV	xã Ba Nang	H. Đa Krông			16° 33' 10"	106° 50' 11"	16° 34' 08"	106° 50' 38"	E-48-82-D
thôn Đá Băn	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 34' 33"	106° 49' 40"					E-48-82-D
bản Đá Đỏ	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 36' 02"	106° 52' 13"					E-48-82-D
sông Đa Krông	TV	xã Ba Nang	H. Đa Krông			16° 24' 37"	107° 05' 44"	16° 41' 02"	106° 52' 16"	E-48-82-D
núi Giang Gió	SV	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 32' 08"	106° 54' 52"					E-48-82-D
Bản Hồ	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 32' 01"	106° 53' 32"					E-48-82-D E-48-83-C
suối Nà Tắp	TV	xã Ba Nang	H. Đa Krông			16° 34' 08"	106° 50' 38"	16° 35' 11"	106° 51' 47"	E-48-82-D
suối Rơ Lây	TV	xã Ba Nang	H. Đa Krông			16° 35' 11"	106° 51' 47"	16° 35' 44"	106° 52' 23"	E-48-82-D
thôn Tà Mên	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 32' 30"	106° 53' 04"					E-48-82-D E-48-83-C
suối Tà Mên	TV	xã Ba Nang	H. Đa Krông			16° 33' 17"	106° 53' 37"	16° 32' 52"	106° 52' 44"	E-48-82-D
thôn Ta Rẹc	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 35' 02"	106° 51' 49"					E-48-82-D
Thôn Trầm	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 33' 17"	106° 51' 31"					E-48-82-D E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 9	KX	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-D
thôn Ba Ngào	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 40' 22"	106° 51' 14"					E-48-82-D
khe Ba Ngào	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 41' 17"	106° 50' 14"	16° 40' 07"	106° 50' 50"	E-48-82-D
thôn Ba Tầng	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 38' 32"	106° 50' 31"					E-48-82-D
khe Ca Lế	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 37' 10"	106° 49' 19"	16° 37' 57"	106° 47' 15"	E-48-82-D
thôn Chân Rò	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 40' 05"	106° 51' 36"					E-48-82-D
suối Cu Giông	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 35' 33"	106° 47' 50"	16° 37' 53"	106° 46' 46"	E-48-82-D
thôn Cu Pua	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 38' 21"	106° 48' 11"					E-48-82-D
cầu Đa Krông	KX	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 39' 30"	106° 48' 53"					E-48-82-D
sông Đa Krông	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 24' 37"	107° 05' 44"	16° 41' 02"	106° 52' 16"	E-48-82-D
khe Động Chè	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 39' 11"	106° 52' 21"	16° 40' 46"	106° 52' 02"	E-48-82-D
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 39' 33"	106° 48' 52"	16° 23' 47"	107° 06' 01"	E-48-82-D
thôn Khe Ngài	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 40' 23"	106° 52' 15"					E-48-82-D
xóm Khe Trọng	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 39' 50"	106° 52' 16"					E-48-82-D
Thôn Klu	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 39' 37"	106° 48' 57"					E-48-82-D
Cầu Klu	KX	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 39' 34"	106° 48' 56"					E-48-82-D
Khe Klu	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 40' 24"	106° 48' 52"	16° 39' 33"	106° 48' 57"	E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Làng Cát	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 38' 12"	106° 47' 14"					E-48-82-D
xóm Làng Cát Trên	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 37' 56"	106° 46' 42"					E-48-82-D
Khe Nghi	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 42' 13"	106° 46' 22"	16° 39' 15"	106° 47' 55"	E-48-82-D
cầu Rào Quán	KX	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 38' 29"	106° 47' 17"					E-48-82-D
sông Rào Quán	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 46' 21"	106° 39' 47"	16° 38' 27"	106° 48' 01"	E-48-82-D
suối Ta Cún	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 38' 05"	106° 46' 06"	16° 37' 53"	106° 46' 46"	E-48-82-D
thôn Ta Lêng	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 37' 39"	106° 51' 33"					E-48-82-D
Cầu Trua	KX	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 39' 11"	106° 47' 35"					E-48-82-D
Khe Trua	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 39' 36"	106° 46' 41"	16° 39' 10"	106° 47' 38"	E-48-82-D
thôn Vùng Kho	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 39' 19"	106° 47' 36"					E-48-82-D
cầu Vùng Kho	KX	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 39' 23"	106° 47' 42"					E-48-82-D
thôn Xa Lăng	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 39' 13"	106° 49' 00"					E-48-82-D
thôn 5	DC	xã Hải Phúc	H. Đa Krông	16° 37' 01"	107° 02' 17"					E-48-83-C
khe Ba Giang	TV	xã Hải Phúc	H. Đa Krông			16° 35' 56"	107° 05' 02"	16° 37' 19"	107° 02' 29"	E-48-83-C
khe Ba Lòng	TV	xã Hải Phúc	H. Đa Krông			16° 37' 19"	107° 02' 29"	16° 38' 13"	107° 02' 48"	E-48-83-C
Khe Đâu	TV	xã Hải Phúc	H. Đa Krông			16° 37' 15"	107° 01' 04"	16° 38' 27"	107° 01' 12"	E-48-83-C
khe Giếng Giếng	TV	xã Hải Phúc	H. Đa Krông			16° 37' 23"	107° 01' 33"	16° 37' 54"	107° 02' 12"	E-48-83-C
Lâm trường Hải Lâm	KX	xã Hải Phúc	H. Đa Krông	16° 35' 30"	107° 03' 53"					E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Nhùng	TV	xã Hải Phúc	H. Đa Krông			16° 33' 49"	107° 05' 32"	16° 45' 51"	107° 13' 27"	E-48-83-C
thôn Tà Lang	DC	xã Hải Phúc	H. Đa Krông	16° 37' 53"	107° 00' 57"					E-48-83-C
khe Thụ Lụ	TV	xã Hải Phúc	H. Đa Krông			16° 36' 30"	107° 00' 08"	16° 38' 23"	107° 00' 47"	E-48-83-C
thôn Văn Vận	DC	xã Hải Phúc	H. Đa Krông	16° 37' 50"	107° 02' 42"					E-48-83-C
thôn 37	DC	xã Húc Nghì	H. Đa Krông	16° 30' 20"	106° 59' 08"					E-48-94-B
cầu A Cho	KX	xã Húc Nghì	H. Đa Krông	16° 30' 22"	106° 58' 54"					E-48-82-D
khe A Cho	TV	xã Húc Nghì	H. Đa Krông			16° 28' 26"	107° 07' 14"	16° 30' 24"	106° 58' 52"	E-48-95-A E-48-82-D
núi A Siếp	SV	xã Húc Nghì	H. Đa Krông	16° 30' 19"	107° 05' 36"					E-48-83-C E-48-95-A
khe Ba Lê	TV	xã Húc Nghì	H. Đa Krông			16° 26' 53"	107° 04' 18"	16° 30' 23"	106° 59' 59"	E-48-95-A E-48-82-D
núi Ca Cút	SV	xã Húc Nghì	H. Đa Krông	16° 27' 04"	107° 07' 39"					E-48-95-A
sông Đa Krông	TV	xã Húc Nghì	H. Đa Krông			16° 24' 37"	107° 05' 44"	16° 41' 02"	106° 52' 16"	E-48-94-B
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã Húc Nghì	H. Đa Krông			16° 39' 33"	106° 48' 52"	16° 23' 47"	107° 06' 01"	E-48-82-D E-48-94-B
thôn Húc Nghì	DC	xã Húc Nghì	H. Đa Krông	16° 31' 08"	106° 58' 53"					E-48-82-D
Thôn Kúp	DC	xã Húc Nghì	H. Đa Krông	16° 27' 49"	107° 01' 48"					E-48-94-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khe La Sam	TV	xã Húc Nghì	H. Đa Krông			16° 27' 00"	107° 02' 24"	16° 30' 02"	107° 00' 28"	E-48-95-A E-48-83-C
thôn La Tó	DC	xã Húc Nghì	H. Đa Krông	16° 30' 32"	106° 59' 56"					E-48-82-D
Dốc Miếu	SV	xã Húc Nghì	H. Đa Krông	16° 31' 19"	107° 03' 00"					E-48-83-C
núi Plăng	SV	xã Húc Nghì	H. Đa Krông	16° 27' 00"	107° 05' 15"					E-48-95-A
Núi Pung	SV	xã Húc Nghì	H. Đa Krông	16° 31' 06"	107° 03' 31"					E-48-83-C
quốc lộ 9	KX	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-B E-48-82-D
khe Ca Kươm	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 45' 08"	106° 51' 17"	16° 46' 10"	106° 50' 57"	E-48-82-B
khe Ca Lu	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 42' 19"	106° 50' 43"	16° 41' 04"	106° 52' 16"	E-48-82-D
sông Cam Lộ	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 50' 23"	106° 38' 30"	16° 48' 43"	106° 57' 05"	E-48-82-A E-48-82-B
suối Cầu Mười	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 45' 01"	106° 50' 37"	16° 45' 25"	106° 51' 14"	E-48-82-B
sông Chin Hin	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 48' 03"	106° 43' 52"	16° 47' 26"	106° 52' 00"	E-48-82-A E-48-82-B
bản Đá Ngồi	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 44' 36"	106° 46' 19"					E-48-82-D
núi Đồng Tiên	SV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 48' 31"	106° 46' 42"					E-48-82-B
khe Giang Toan	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 44' 51"	106° 46' 53"	16° 45' 02"	106° 47' 50"	E-48-82-B E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Hà Bạc	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 46' 14"	106° 50' 45"					E-48-82-B
Khe Hiên	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 48' 09"	106° 46' 40"	16° 46' 36"	106° 50' 07"	E-48-82-B
thôn Khe Hiên	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 47' 02"	106° 49' 04"					E-48-82-B
thôn Khe Van	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 46' 02"	106° 51' 07"					E-48-82-B
thôn Kreng	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 45' 40"	106° 49' 07"					E-48-82-D
núi Lèn Đôi	SV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 48' 07"	106° 50' 03"					E-48-82-B
núi Lèn Một	SV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 46' 53"	106° 51' 06"					E-48-82-B
núi Pa Ho	SV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 45' 03"	106° 52' 36"					E-48-82-B
thôn Pa Loang	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 45' 06"	106° 48' 24"					E-48-82-B
thôn Phú An	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 43' 20"	106° 51' 44"					E-48-82-D
thôn Ra Lu	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 44' 54"	106° 51' 10"					E-48-82-D
suối Ra Nghi	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 42' 45"	106° 48' 22"	16° 46' 15"	106° 50' 56"	E-48-82-B E-48-82-D
Thôn Ruộng	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 44' 45"	106° 51' 02"					E-48-82-D
thôn Sa Rúc	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 43' 48"	106° 51' 31"					E-48-82-B
thôn Sa Vi	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 44' 14"	106° 51' 11"					E-48-82-B
khe Săn Ruôi	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 43' 35"	106° 50' 46"	16° 41' 05"	106° 53' 05"	E-48-82-D
khe Ta Bung	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 42' 07"	106° 49' 57"	16° 45' 01"	106° 50' 37"	E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Tong Bong	SV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 45' 48"	106° 46' 11"					E-48-82-A E-48-82-B
sông Ba Lòng	TV	xã Mò Ó	H. Đa Krông			16° 41' 02"	106° 52' 16"	16° 38' 50"	107° 04' 08"	E-48-82-D
thôn Ba Rầu	DC	xã Mò Ó	H. Đa Krông	16° 39' 58"	106° 55' 01"					E-48-82-D
Núi Chè	SV	xã Mò Ó	H. Đa Krông	16° 39' 20"	106° 54' 00"					E-48-82-D
thôn Khe Lặn	DC	xã Mò Ó	H. Đa Krông	16° 40' 44"	106° 54' 22"					E-48-82-D
thôn Khe Luồi	DC	xã Mò Ó	H. Đa Krông	16° 40' 44"	106° 53' 23"					E-48-82-D
Suối Luồi	TV	xã Mò Ó	H. Đa Krông			16° 39' 01"	106° 53' 52"	16° 40' 26"	106° 53' 56"	E-48-82-D
suối Ồ Ồ	TV	xã Mò Ó	H. Đa Krông			16° 40' 18"	106° 55' 46"	16° 39' 54"	106° 55' 43"	E-48-82-D
thôn Phú Thành	DC	xã Mò Ó	H. Đa Krông	16° 40' 40"	106° 54' 06"					E-48-82-D
thôn Phú Thiềng	DC	xã Mò Ó	H. Đa Krông	16° 41' 04"	106° 53' 59"					E-48-82-D
dãy Trường Sơn	SV	xã Mò Ó	H. Đa Krông	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-82-D
Ban quản lý Rừng phòng hộ Hướng Hóa/Đa Krông	KX	xã Mò Ó	H. Đa Krông	16° 39' 16"	106° 54' 28"					E-48-82-D
thôn A Đu	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 30' 40"	106° 56' 05"					E-48-82-D
phu A Ho	SV	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 28' 45"	106° 52' 39"					E-48-94-B
bản A Lô	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 30' 29"	106° 54' 37"					E-48-82-D
thôn Ba Ngày	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 30' 27"	106° 55' 16"					E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối Ba Ngày	TV	xã Tà Long	H. Đa Krông			16° 31' 59"	106° 54' 39"	16° 30' 38"	106° 56' 47"	E-48-82-D
suối Cà Ruông	TV	xã Tà Long	H. Đa Krông			16° 28' 55"	106° 54' 37"	16° 30' 52"	106° 57' 29"	E-48-94-B
bản Cài Chang	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 30' 09"	106° 55' 00"					E-48-82-D
Thôn Chai	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 33' 35"	106° 54' 44"					E-48-82-D
Núi Che	SV	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 36' 30"	106° 56' 44"					E-48-82-D
Suối Cheng	TV	xã Tà Long	H. Đa Krông			16° 29' 48"	106° 53' 14"	16° 30' 20"	106° 55' 14"	E-48-94-B
núi Co A Pát	SV	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 30' 44"	106° 53' 20"					E-48-82-D
núi Da Ban	SV	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 34' 38"	107° 00' 11"					E-48-83-C
sông Đa Krông	TV	xã Tà Long	H. Đa Krông			16° 24' 37"	107° 05' 44"	16° 41' 02"	106° 52' 16"	E-48-82-D
núi Đông Đếch	SV	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 29' 22"	106° 52' 55"					E-48-94-B
núi Giang Gió	SV	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 32' 08"	106° 54' 52"					E-48-82-D
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã Tà Long	H. Đa Krông			16° 39' 33"	106° 48' 52"	16° 23' 47"	107° 06' 01"	E-48-82-D
Thôn Kè	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 36' 11"	106° 54' 11"					E-48-82-D
núi Kroong	SV	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 31' 05"	106° 55' 32"					E-48-82-D
thôn Ly Tôn	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 31' 58"	106° 57' 42"					E-48-82-D
Thôn Ngược	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 30' 49"	106° 54' 46"					E-48-82-D
thôn Pa Hi	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 34' 27"	106° 57' 35"					E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối Sa Pa	TV	xã Tà Long	H. Đa Krông			16° 33' 33"	106° 55' 45"	16° 32' 04"	106° 57' 29"	E-48-82-D
thôn Sa Ta	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 32' 59"	106° 56' 05"					E-48-82-D
Thôn Ta	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 31' 12"	106° 56' 07"					E-48-82-D
Suối Ta	TV	xã Tà Long	H. Đa Krông			16° 31' 18"	106° 55' 46"	16° 30' 43"	106° 56' 58"	E-48-82-D
thôn Tà Lao	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 34' 05"	106° 59' 37"					E-48-82-D
cầu Tà Lao	KX	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 34' 27"	106° 57' 30"					E-48-82-D
núi Tà Lao	SV	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 36' 44"	106° 57' 36"					E-48-82-D
suối Tà Lao	TV	xã Tà Long	H. Đa Krông			16° 32' 28"	107° 03' 03"	16° 34' 23"	106° 57' 57"	E-48-82-D E-48-83-B
Thôn Vôi	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 35' 38"	106° 55' 14"					E-48-82-D
thôn A Đăng	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 25' 19"	106° 59' 11"					E-48-94-B
thôn A Liêng	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 26' 34"	106° 58' 41"					E-48-94-B
thôn A Pun	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 24' 15"	106° 59' 39"					E-48-94-B
thôn A Vương	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 26' 41"	106° 58' 46"					E-48-94-B
thôn Ca Hẹp	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 24' 26"	106° 59' 42"					E-48-94-B
sông Đa Krông	TV	xã Tà Rụt	H. Đa Krông			16° 24' 37"	107° 05' 44"	16° 41' 02"	106° 52' 16"	E-48-94-B
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã Tà Rụt	H. Đa Krông			16° 39' 33"	106° 48' 52"	16° 23' 47"	107° 06' 01"	E-48-94-B
núi Kì Soong	SV	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 24' 28"	106° 57' 50"					E-48-94-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khe La Sam	TV	xã Tà Rụt	H. Đa Krông			16° 27' 00"	107° 02' 24"	16° 30' 02"	107° 00' 28"	E-48-95-A E-48-83-C
núi Pa Sum	SV	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 25' 06"	106° 58' 03"					E-48-94-B
khe Pi Rào	TV	xã Tà Rụt	H. Đa Krông			16° 23' 28"	107° 01' 17"	16° 23' 19"	106° 59' 47"	E-48-94-B E-48-95-A
Núi Sỏi	SV	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 27' 10"	107° 01' 14"					E-48-95-A
thôn Tà Rụt 1	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 23' 39"	106° 59' 05"					E-48-94-B
thôn Tà Rụt 2	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 23' 35"	106° 59' 02"					E-48-94-B
thôn Tà Rụt 3	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 23' 32"	106° 59' 28"					E-48-94-B
khe U Sau	TV	xã Tà Rụt	H. Đa Krông			16° 24' 43"	107° 00' 28"	16° 24' 01"	106° 59' 21"	E-48-94-B E-48-95-A
thôn Vực Leng	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 25' 33"	106° 58' 55"					E-48-94-B
sông Ba Lòng	TV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông			16° 41' 02"	106° 52' 16"	16° 38' 50"	107° 04' 08"	E-48-82-D
Núi Che	SV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông	16° 36' 30"	106° 56' 44"					E-48-82-D
Khe Khế	TV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông			16° 36' 41"	106° 57' 09"	16° 38' 46"	106° 56' 16"	E-48-82-D
khe Làng An	TV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông			16° 37' 01"	106° 55' 35"	16° 39' 32"	106° 56' 17"	E-48-82-D
thôn Na Nẫm	DC	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông	16° 39' 31"	106° 57' 32"					E-48-82-D
Động Ngôn	SV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông	16° 40' 22"	106° 56' 55"					E-48-82-D
khe Ồ Ồ	TV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông			16° 40' 18"	106° 55' 46"	16° 39' 54"	106° 55' 43"	E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Tà Lao	SV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông	16° 36' 44"	106° 57' 36"					E-48-82-D
dãy Trường Sơn	SV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-82-D
thôn Vạn Na Nẫm	DC	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông	16° 39' 09"	106° 57' 22"					E-48-82-D
Rào Vịnh	TV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông			16° 43' 45"	106° 53' 56"	16° 43' 55"	106° 59' 40"	E-48-82-D
thôn Xuân Lâm	DC	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông	16° 39' 38"	106° 56' 54"					E-48-82-D
khu phố 1	DC	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 53' 48"	107° 10' 03"					E-48-83-A-b
khu phố 2	DC	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 54' 02"	107° 10' 20"					E-48-83-A-b
khu phố 3	DC	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 54' 12"	107° 10' 26"					E-48-83-A-b
khu phố 4	DC	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 54' 17"	107° 10' 41"					E-48-83-A-b
khu phố 5	DC	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 54' 26"	107° 10' 44"					E-48-83-A-b
khu phố 6	DC	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 54' 28"	107° 11' 04"					E-48-83-A-b
khu phố 7	DC	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 54' 51"	107° 10' 38"					E-48-83-A-b
khu phố 8	DC	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 54' 49"	107° 10' 07"					E-48-83-A-b
quốc lộ 9	KX	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-b
Khe Cái	TV	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh			16° 54' 13"	107° 10' 43"	16° 54' 39"	107° 10' 26"	E-48-83-A-b
Cảng vụ Cửa Việt	KX	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 54' 19"	107° 11' 16"					E-48-83-A-b
sông Thạch Hãn	TV	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-b
khu phố 1	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 56' 10"	107° 04' 19"					E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 1A	KX	TT. Gio Linh	H. Gio Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-a
khu phố 2	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 55"	107° 04' 21"					E-48-83-A-a
khu phố 3	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 56' 09"	107° 04' 40"					E-48-83-A-a
khu phố 4	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 42"	107° 04' 29"					E-48-83-A-a
khu phố 5	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 33"	107° 04' 51"					E-48-83-A-a
khu phố 6	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 35"	107° 05' 28"					E-48-83-A-a
khu phố 7	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 05"	107° 04' 49"					E-48-83-A-a
khu phố 8	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 24"	107° 04' 55"					E-48-83-A-a
khu phố 9	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 16"	107° 04' 55"					E-48-83-A-a
khu phố 10	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 41"	107° 04' 48"					E-48-83-A-a
khu phố 11	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 48"	107° 04' 49"					E-48-83-A-a
đường tỉnh 575A	KX	TT. Gio Linh	H. Gio Linh			16° 55' 24"	107° 04' 31"	16° 53' 23"	107° 09' 14"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 575B	KX	TT. Gio Linh	H. Gio Linh			16° 55' 54"	107° 04' 23"	16° 54' 49"	106° 57' 48"	E-48-83-A-a
Sông Đào	TV	TT. Gio Linh	H. Gio Linh			16° 55' 49"	107° 04' 56"	16° 57' 35"	107° 05' 03"	E-48-83-A-a
kênh chính Hà Thượng	TV	TT. Gio Linh	H. Gio Linh			16° 54' 37"	107° 03' 06"	16° 55' 44"	107° 05' 19"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 576	KX	xã Gio An	H. Gio Linh			16° 53' 25"	107° 00' 37"	16° 58' 57"	107° 03' 23"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 575B	KX	xã Gio An	H. Gio Linh			16° 55' 54"	104° 07' 23"	16° 54' 49"	106° 57' 48"	E-48-82-B E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn An Bình	DC	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 38"	106° 59' 53"					E-48-82-B
thôn An Hướng	DC	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 41"	106° 58' 53"					E-48-82-B
thôn An Nha	DC	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 47"	106° 59' 21"					E-48-82-B
đồi Cồn Tiên	SV	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 54' 33"	106° 58' 51"					E-48-82-B
thôn Gia Bình	DC	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 38"	107° 00' 16"					E-48-83-A-a
hồ Hà Thượng	TV	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 01"	107° 02' 30"					E-48-83-A-a
thôn Hảo Sơn	DC	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 21"	107° 00' 37"					E-48-83-A-a
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Gio An	H. Gio Linh			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 33"	107° 00' 17"	E-48-83-A-a
hồ Kinh Môn	TV	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 56' 44"	107° 00' 12"					E-48-83-A-a
Bàu Léc	TV	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 45"	107° 01' 17"					E-48-83-A-a
thôn Long Sơn	DC	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 36"	107° 00' 18"					E-48-83-A-a
Khe Mướp	TV	xã Gio An	H. Gio Linh			16° 52' 50"	106° 55' 20"	16° 56' 00"	106° 56' 40"	E-48-82-B
thôn Tân Văn	DC	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 28"	107° 01' 04"					E-48-83-A-a
Nông trường Trường Sơn	KX	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 12"	106° 58' 59"					E-48-82-B
đường tỉnh 576	KX	xã Gio Bình	H. Gio Linh			16° 53' 25"	107° 00' 37"	16° 58' 57"	107° 03' 23"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 575B	KX	xã Gio Bình	H. Gio Linh			16° 55' 54"	107° 04' 23"	16° 54' 49"	106° 57' 48"	E-48-83-A-a
thôn Bình Hải	DC	xã Gio Bình	H. Gio Linh	16° 56' 37"	107° 01' 12"					E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Bình Long	DC	xã Gio Bình	H. Gio Linh	16° 56' 00"	107° 00' 57"					E-48-83-A-a
thôn Bình Mai	DC	xã Gio Bình	H. Gio Linh	16° 56' 19"	107° 00' 54"					E-48-83-A-a
thôn Bình Minh	DC	xã Gio Bình	H. Gio Linh	16° 55' 56"	107° 01' 38"					E-48-83-A-a
hồ Kinh Môn	TV	xã Gio Bình	H. Gio Linh	16° 56' 44"	107° 00' 12"					E-48-83-A-a
thôn Tân Lịch	DC	xã Gio Bình	H. Gio Linh	16° 55' 49"	107° 03' 03"					E-48-83-A-a
thôn Tiến Kim	DC	xã Gio Bình	H. Gio Linh	16° 56' 06"	107° 00' 33"					E-48-83-A-a
quốc lộ 1A	KX	xã Gio Châu	H. Gio Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 577	KX	xã Gio Châu	H. Gio Linh			16° 54' 14"	107° 04' 39"	16° 53' 46"	106° 59' 20"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 575B	KX	xã Gio Châu	H. Gio Linh			16° 55' 54"	107° 04' 23"	16° 54' 49"	106° 57' 48"	E-48-83-A-a
thôn Bích La	DC	xã Gio Châu	H. Gio Linh	16° 55' 43"	107° 03' 09"					E-48-83-A-a
chùa Bình Trung	KX	xã Gio Châu	H. Gio Linh	16° 54' 41"	107° 04' 33"					E-48-83-A-a
Nông trường Dốc Miếu	KX	xã Gio Châu	H. Gio Linh	16° 55' 59"	107° 02' 09"					E-48-83-A-a
thôn Hà Thanh	DC	xã Gio Châu	H. Gio Linh	16° 54' 20"	107° 04' 33"					E-48-83-A-a
ga Hà Thanh	KX	xã Gio Châu	H. Gio Linh	16° 54' 32"	107° 04' 32"					E-48-83-A-a
thôn Hà Thượng	DC	xã Gio Châu	H. Gio Linh	16° 55' 33"	107° 04' 08"					E-48-83-A-a
hồ Hà Thượng	TV	xã Gio Châu	H. Gio Linh	16° 55' 01"	107° 02' 30"					E-48-83-A-a
kênh chính Hà Thượng	TV	xã Gio Châu	H. Gio Linh			16° 54' 37"	107° 03' 06"	16° 55' 44"	107° 05' 19"	E-48-83-A-a
thôn Hà Trung	DC	xã Gio Châu	H. Gio Linh	16° 54' 54"	107° 04' 07"					E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Diêm Hà	DC	xã Gio Hải	H. Gio Linh	16° 56' 23"	107° 09' 28"					E-48-83-A-b
thôn Diêm Hà Hạ	DC	xã Gio Hải	H. Gio Linh	16° 55' 34"	107° 10' 03"					E-48-83-A-b
thôn Diêm Hà Thượng	DC	xã Gio Hải	H. Gio Linh	16° 57' 08"	107° 08' 53"					E-48-83-A-b
thôn Diêm Hà Trung	DC	xã Gio Hải	H. Gio Linh	16° 56' 04"	107° 09' 37"					E-48-83-A-b
thôn Hà Lợi Tây	DC	xã Gio Hải	H. Gio Linh	16° 56' 39"	107° 09' 09"					E-48-83-A-b
thôn Hà Lợi Thượng	DC	xã Gio Hải	H. Gio Linh	16° 55' 15"	107° 10' 27"					E-48-83-A-b
đường tỉnh 577	KX	xã Gio Hòa	H. Gio Linh			16° 54' 14"	107° 04' 39"	16° 53' 46"	106° 59' 20"	E-48-83-A-a
thôn Đại Tân	DC	xã Gio Hòa	H. Gio Linh	16° 54' 26"	107° 02' 34"					E-48-83-A-a
thôn Đồng Hòa	DC	xã Gio Hòa	H. Gio Linh	16° 54' 17"	107° 02' 47"					E-48-83-A-a
hồ Hà Thượng	TV	xã Gio Hòa	H. Gio Linh	16° 55' 01"	107° 02' 30"					E-48-83-A-a
thôn Nhất Hòa	DC	xã Gio Hòa	H. Gio Linh	16° 54' 19"	107° 02' 14"					E-48-83-A-a
thôn Tiến Hòa	DC	xã Gio Hòa	H. Gio Linh	16° 54' 28"	107° 01' 15"					E-48-83-A-a
thôn Trí Hòa	DC	xã Gio Hòa	H. Gio Linh	16° 54' 30"	107° 01' 41"					E-48-83-A-a
quốc lộ 9	KX	xã Gio Mai	H. Gio Linh			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-b E-48-83-A-d
đường tỉnh 575A	KX	xã Gio Mai	H. Gio Linh			16° 55' 24"	107° 04' 31"	16° 53' 23"	107° 09' 14"	E-48-83-A-a
sông Cánh Hòm	TV	xã Gio Mai	H. Gio Linh			16° 52' 40"	107° 08' 21"	16° 54' 32"	107° 07' 27"	E-48-83-A-a E-48-83-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Bàu Đông	TV	xã Gio Mai	H. Gio Linh	16° 52' 28"	107° 07' 42"					E-48-83-A-b E-48-83-A-d
Xóm Kênh	DC	xã Gio Mai	H. Gio Linh	16° 53' 04"	107° 08' 23"					E-48-83-A-b
thôn Lâm Xuân	DC	xã Gio Mai	H. Gio Linh	16° 53' 53"	107° 07' 49"					E-48-83-A-a
thôn Mai Thị	DC	xã Gio Mai	H. Gio Linh	16° 52' 50"	107° 08' 23"					E-48-83-A-b
thôn Mai Xá	DC	xã Gio Mai	H. Gio Linh	16° 52' 44"	107° 07' 52"					E-48-83-A-b
kênh N12	TV	xã Gio Mai	H. Gio Linh			16° 53' 50"	107° 08' 08"	16° 53' 03"	107° 08' 49"	E-48-83-A-b
Xóm Soi	DC	xã Gio Mai	H. Gio Linh	16° 52' 08"	107° 08' 03"					E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	xã Gio Mai	H. Gio Linh			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
kênh Trúc Kinh	TV	xã Gio Mai	H. Gio Linh			16° 52' 51"	107° 03' 43"	16° 53' 38"	107° 07' 53"	E-48-83-A-b E-48-83-A-c
đường tỉnh 575A	KX	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh			16° 55' 24"	107° 04' 31"	16° 53' 23"	107° 09' 14"	E-48-83-A-a
thôn An Mỹ	DC	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh	16° 57' 12"	107° 06' 39"					E-48-83-A-a
thôn Cẩm Phổ	DC	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh	16° 57' 56"	107° 06' 19"					E-48-83-A-a
sông Cánh Hòm	TV	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh			16° 56' 43"	107° 06' 13"	16° 58' 59"	107° 04' 56"	E-48-83-A-a
Sông Đào	TV	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh			16° 55' 49"	107° 04' 56"	16° 57' 35"	107° 05' 03"	E-48-83-A-a
Hồ Hoi	TV	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh	16° 58' 27"	107° 06' 06"					E-48-83-A-a
thôn Lại An	DC	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh	16° 55' 45"	107° 06' 10"					E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Nhĩ Thượng	DC	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh	16° 56' 29"	107° 07' 03"					E-48-83-A-a
thôn Phước Thị	DC	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh	16° 56' 15"	107° 05' 56"					E-48-83-A-a
Khe Roọng	TV	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh			16° 58' 30"	107° 07' 02"	16° 58' 37"	107° 07' 52"	E-48-83-A-a E-48-83-A-b
thôn Thủy Khê	DC	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh	16° 58' 46"	107° 05' 40"					E-48-83-A-a
quốc lộ 1A	KX	xã Gio Phong	H. Gio Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 575B	KX	xã Gio Phong	H. Gio Linh			16° 55' 54"	107° 04' 23"	16° 54' 49"	106° 57' 48"	E-48-83-A-a
sông Cánh Hòm	TV	xã Gio Phong	H. Gio Linh			16° 56' 43"	107° 06' 13"	16° 58' 59"	107° 04' 56"	E-48-83-A-a
cầu Cao Xá	KX	xã Gio Phong	H. Gio Linh	16° 57' 41"	107° 03' 56"					E-48-83-A-a
Sông Đào	TV	xã Gio Phong	H. Gio Linh			16° 55' 49"	107° 04' 56"	16° 57' 35"	107° 05' 03"	E-48-83-A-a
Nông trường Dốc Miếu	KX	xã Gio Phong	H. Gio Linh	16° 55' 59"	107° 02' 09"					E-48-83-A-a
thôn Gia Môn	DC	xã Gio Phong	H. Gio Linh	16° 57' 07"	107° 04' 37"					E-48-83-A-a
thôn Lan Đình	DC	xã Gio Phong	H. Gio Linh	16° 56' 51"	107° 05' 01"					E-48-83-A-a
thôn Lễ Môn	DC	xã Gio Phong	H. Gio Linh	16° 56' 46"	107° 03' 29"					E-48-83-A-a
bàu Lễ Môn	TV	xã Gio Phong	H. Gio Linh	16° 56' 34"	107° 03' 43"					E-48-83-A-a
Dốc Miếu	SV	xã Gio Phong	H. Gio Linh	16° 56' 28"	107° 04' 14"					E-48-83-A-a
quốc lộ 1A	KX	xã Gio Quang	H. Gio Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-a E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 9	KX	xã Gio Quang	H. Gio Linh			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-a E-48-83-A-c
đường tỉnh 578	KX	xã Gio Quang	H. Gio Linh			16° 52' 23"	107° 04' 54"	16° 53' 13"	106° 59' 27"	E-48-83-A-a E-48-83-A-c
cầu Bến Lội	KX	xã Gio Quang	H. Gio Linh	16° 51' 24"	107° 06' 22"					E-48-83-A-c
thôn Kỳ Lâm	DC	xã Gio Quang	H. Gio Linh	16° 52' 43"	107° 06' 04"					E-48-83-A-a
thôn Kỹ Trúc	DC	xã Gio Quang	H. Gio Linh	16° 52' 08"	107° 06' 30"					E-48-83-A-c
kênh N8	TV	xã Gio Quang	H. Gio Linh			16° 51' 10"	107° 07' 17"	16° 52' 05"	107° 07' 14"	E-48-83-A-c
sông Thạch Hãn	TV	xã Gio Quang	H. Gio Linh			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-c E-48-83-A-d
sông Trúc Khê	TV	xã Gio Quang	H. Gio Linh			16° 52' 38"	107° 03' 47"	16° 50' 52"	107° 07' 23"	E-48-83-A-a E-48-83-A-c
kênh Trúc Kinh	TV	xã Gio Quang	H. Gio Linh			16° 52' 51"	107° 03' 43"	16° 53' 38"	107° 07' 53"	E-48-83-A-a E-48-83-A-c
thôn Trúc Lâm	DC	xã Gio Quang	H. Gio Linh	16° 53' 11"	107° 04' 43"					E-48-83-A-c
thôn Vinh Quang Hạ	DC	xã Gio Quang	H. Gio Linh	16° 52' 12"	107° 07' 20"					E-48-83-A-a
thôn Vinh Quang Thượng	DC	xã Gio Quang	H. Gio Linh	16° 52' 10"	107° 06' 59"					E-48-83-A-c
Nông trường 74	KX	xã Gio Sơn	H. Gio Linh	16° 54' 07"	107° 00' 00"					E-48-83-A-a
đường tỉnh 576	KX	xã Gio Sơn	H. Gio Linh			16° 53' 25"	107° 00' 37"	16° 58' 57"	107° 03' 23"	E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 577	KX	xã Gio Sơn	H. Gio Linh			16° 54' 14"	107° 04' 39"	16° 53' 46"	106° 59' 20"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 578	KX	xã Gio Sơn	H. Gio Linh			16° 52' 23"	107° 04' 54"	16° 53' 13"	106° 59' 27"	E-48-82-B E-48-83-A-a
thôn An Khê	DC	xã Gio Sơn	H. Gio Linh	16° 53' 42"	106° 59' 31"					E-48-82-B
đồi Cồn Tiên	SV	xã Gio Sơn	H. Gio Linh	16° 54' 33"	106° 58' 51"					E-48-82-B
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Gio Sơn	H. Gio Linh			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 33"	107° 00' 17"	E-48-83-A-a
thôn Lạc Sơn	DC	xã Gio Sơn	H. Gio Linh	16° 54' 10"	107° 00' 31"					E-48-83-A-a
thôn Nam Đông	DC	xã Gio Sơn	H. Gio Linh	16° 53' 58"	107° 00' 22"					E-48-83-A-a
thôn Nam Tân	DC	xã Gio Sơn	H. Gio Linh	16° 53' 52"	106° 59' 51"					E-48-82-B
hồ Phú Dụng	TV	xã Gio Sơn	H. Gio Linh	16° 53' 44"	107° 00' 08"					E-48-83-A-a
thôn Phú Ốc	DC	xã Gio Sơn	H. Gio Linh	16° 54' 04"	107° 00' 08"					E-48-83-A-a
đường tỉnh 575A	KX	xã Gio Thành	H. Gio Linh			16° 55' 24"	107° 04' 31"	16° 53' 23"	107° 09' 14"	E-48-83-A-a
sông Cánh Hòm	TV	xã Gio Thành	H. Gio Linh			16° 54' 32"	107° 07' 27"	16° 56' 35"	107° 06' 28"	E-48-83-A-a
thôn Nhĩ Hạ	DC	xã Gio Thành	H. Gio Linh	16° 54' 46"	107° 08' 15"					E-48-83-A-b
thôn Nhĩ Trung	DC	xã Gio Thành	H. Gio Linh	16° 55' 38"	107° 07' 38"					E-48-83-A-b
thôn Tân Minh	DC	xã Gio Thành	H. Gio Linh	16° 55' 05"	107° 06' 27"					E-48-83-A-a
quốc lộ 9	KX	xã Gio Việt	H. Gio Linh			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-b
đường tỉnh 575A	KX	xã Gio Việt	H. Gio Linh			16° 55' 24"	107° 04' 31"	16° 53' 23"	107° 09' 14"	E-48-83-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Hoàng Hà	DC	xã Gio Việt	H. Gio Linh	16° 53' 34"	107° 09' 11"					E-48-83-A-b
thôn Tân Xuân	DC	xã Gio Việt	H. Gio Linh	16° 53' 19"	107° 09' 32"					E-48-83-A-b
sông Thạch Hãn	TV	xã Gio Việt	H. Gio Linh			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-b
thôn Xuân Lộc	DC	xã Gio Việt	H. Gio Linh	16° 53' 33"	107° 09' 48"					E-48-83-A-b
thôn Xuân Ngọc	DC	xã Gio Việt	H. Gio Linh	16° 53' 28"	107° 09' 37"					E-48-83-A-b
thôn Xuân Tiến	DC	xã Gio Việt	H. Gio Linh	16° 53' 43"	107° 09' 44"					E-48-83-A-b
đường tỉnh 578	KX	xã Hải Thái	H. Gio Linh			16° 52' 23"	107° 04' 54"	16° 53' 13"	106° 59' 27"	E-48-82-B
thôn 1B	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 52' 43"	106° 59' 13"					E-48-82-B
thôn 2A	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 53' 07"	106° 58' 27"					E-48-82-B
thôn 2B	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 25' 17"	106° 58' 56"					E-48-82-B
thôn 3A	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 53' 44"	106° 57' 27"					E-48-82-B
thôn 3B	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 52' 02"	106° 59' 21"					E-48-82-B
thôn 4B	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 52' 29"	106° 58' 34"					E-48-82-B
thôn 5B	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 53' 10"	106° 58' 53"					E-48-82-B
thôn 6B	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 52' 54"	106° 58' 48"					E-48-82-B
thôn 7B	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	46° 52' 44"	106° 58' 16"					E-48-82-B
Nông trường Cồn Tiên	KX	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 53' 10"	106° 59' 01"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Khe Lòn	TV	xã Hải Thái	H. Gio Linh			16° 52' 09"	106° 58' 50"	16° 53' 07"	107° 01' 22"	E-48-82-B
Khe Mướp	TV	xã Hải Thái	H. Gio Linh			16° 52' 50"	106° 55' 20"	16° 56' 00"	106° 56' 40"	E-48-82-B
thôn Phú Ân	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 53' 09"	106° 59' 24"					E-48-82-B
Khe Trai	TV	xã Hải Thái	H. Gio Linh			16° 52' 27"	106° 56' 56"	16° 53' 29"	106° 57' 07"	E-48-82-B
thôn Trảng Rộng	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 53' 02"	106° 56' 43"					E-48-82-B
thôn Trung Ân	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 53' 17"	106° 59' 19"					E-48-82-B
thôn Xuân Hòa	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 54' 59"	106° 57' 39"					E-48-82-B
Nông trường 74	KX	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 54' 07"	107° 00' 00"					E-48-82-B E-48-83-A-a
đường tỉnh 576	KX	xã Linh Hải	H. Gio Linh			16° 53' 25"	107° 00' 37"	16° 58' 57"	107° 03' 23"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 577	KX	xã Linh Hải	H. Gio Linh			16° 54' 14"	107° 04' 39"	16° 53' 46"	106° 59' 20"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 578	KX	xã Linh Hải	H. Gio Linh			16° 52' 23"	107° 04' 54"	16° 53' 13"	106° 59' 27"	E-48-82-B E-48-83-A-a
Nông trường Cồn Tiên	KX	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 10"	106° 59' 01"					E-48-82-B
thôn Hải Ba	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 07"	107° 03' 36"					E-48-83-A-a
thôn Hải Hòa	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 29"	107° 03' 10"					E-48-83-A-a
thôn Hải Lam	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 52"	107° 01' 52"					E-48-83-A-a
hồ Hải Lam	TV	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 47"	107° 01' 56"					E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Hải Quế	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 20"	107° 03' 08"					E-48-83-A-a
thôn Hải Tân	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 37"	107° 02' 42"					E-48-83-A-a
hồ Hải Tân	TV	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 30"	107° 02' 26"					E-48-83-A-a
thôn Hải Thi	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 46"	107° 02' 56"					E-48-83-A-a
Khe Lòn	TV	xã Linh Hải	H. Gio Linh			16° 52' 09"	106° 58' 50"	16° 53' 07"	107° 01' 22"	E-48-82-B E-48-83-A-a
thôn Thành An	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 52' 56"	106° 59' 52"					E-48-82-B
thôn Thiện Đức	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 22"	107° 00' 46"					E-48-83-A-a
thôn Thiện Nhân	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 19"	107° 00' 33"					E-48-83-A-a
thôn Thượng Đồng	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 38"	107° 01' 25"					E-48-83-A-a
hồ Trúc Kinh	TV	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 52' 46"	107° 03' 22"					E-48-83-A-a
thôn Xuân Đông	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 35"	107° 01' 04"					E-48-83-A-a
thôn Xuân Tây	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 54' 08"	107° 01' 13"					E-48-83-A-a
thôn Ba De	DC	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 55' 40"	106° 57' 48"					E-48-82-B
thôn Bãi Hà	DC	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 55' 18"	106° 57' 46"					E-48-82-B
núi Be Lao	SV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 53' 33"	106° 53' 14"					E-48-82-B
sông Bến Hải	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-82-B
thôn Bến Mộc 1	DC	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 55' 34"	106° 57' 50"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Bến Mộc 2	DC	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 55' 15"	106° 57' 39"					E-48-82-B
sông Cam Lộ	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 50' 23"	106° 38' 30"	16° 48' 43"	106° 57' 04"	E-48-82-B
Khe Chùa	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 48' 56"	106° 53' 13"	16° 49' 50"	106° 56' 40"	E-48-82-B
núi Co Chiêng	SV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 53' 04"	106° 41' 24"					E-48-82-A
thôn Cu Đinh	DC	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 55' 20"	106° 57' 53"					E-48-82-B
thôn Đồng Dôn	DC	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 56' 36"	106° 57' 17"					E-48-82-B
thôn Khe Me	DC	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 53' 37"	106° 56' 40"					E-48-82-B
Núi Khỉ	SV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 52' 09"	106° 48' 29"					E-48-82-B
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đường 9	KX	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 46' 39"	107° 01' 18"					E-48-82-B
Khe Mướp	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 52' 50"	106° 55' 20"	16° 56' 00"	106° 56' 40"	E-48-82-B
Sông Ngân	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 50' 09"	106° 51' 23"	16° 52' 48"	106° 55' 25"	E-48-82-B
Khe Nhi	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 53' 00"	106° 50' 24"	16° 54' 00"	106° 52' 34"	E-48-82-B
núi Ông Cây	SV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 54' 16"	106° 51' 53"					E-48-82-B
Rào Thanh	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 54' 03"	106° 44' 40"	16° 54' 17"	106° 52' 51"	E-48-82-B
Suối Thúc	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 52' 46"	106° 46' 26"	16° 53' 32"	106° 47' 40"	E-48-82-B
Núi Tiêu	SV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 50' 17"	106° 47' 51"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối Tre Nai	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 51' 51"	106° 51' 35"	16° 54' 17"	106° 52' 51"	E-48-82-B
Khe Tua	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 52' 40"	106° 47' 58"	16° 53' 19"	106° 47' 46"	E-48-82-B
thôn Bắc Sơn	DC	xã Trung Giang	H. Gio Linh	17° 00' 35"	107° 06' 32"					E-48-71-C-c
sông Bến Hải	TV	xã Trung Giang	H. Gio Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-71-C-c
thôn Cang Gián	DC	xã Trung Giang	H. Gio Linh	16° 58' 38"	107° 07' 40"					E-48-83-A-b
Khe Chùa	TV	xã Trung Giang	H. Gio Linh			16° 59' 00"	107° 06' 43"	16° 59' 38"	107° 06' 15"	E-48-83-A-a
thôn Hà Lợi Trung	DC	xã Trung Giang	H. Gio Linh	16° 57' 56"	107° 08' 10"					E-48-83-A-a E-48-83-A-b
thôn Nam Sơn	DC	xã Trung Giang	H. Gio Linh	17° 00' 05"	107° 06' 29"					E-48-71-C-c
Khe Roọng	TV	xã Trung Giang	H. Gio Linh			16° 58' 30"	107° 07' 02"	16° 58' 37"	107° 07' 52"	E-48-83-A-a E-48-83-A-b
thôn Thủy Bạn	DC	xã Trung Giang	H. Gio Linh	16° 59' 49"	107° 06' 28"					E-48-83-A-a
quốc lộ 1A	KX	xã Trung Hải	H. Gio Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-a
thôn Bách Lộc	DC	xã Trung Hải	H. Gio Linh	16° 59' 24"	107° 05' 03"					E-48-83-A-a
sông Bến Hải	TV	xã Trung Hải	H. Gio Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-71-C-c E-48-83-A-a
sông Cánh Hòm	TV	xã Trung Hải	H. Gio Linh			16° 58' 59"	107° 04' 56"	16° 59' 22"	107° 06' 10"	E-48-83-A-a
thôn Cao Xá	DC	xã Trung Hải	H. Gio Linh	16° 58' 07"	107° 04' 08"					E-48-71-C-c
Khe Chùa	TV	xã Trung Hải	H. Gio Linh			16° 59' 00"	107° 06' 43"	16° 59' 38"	107° 06' 15"	E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Hải Chử	DC	xã Trung Hải	H. Gio Linh	16° 59' 29"	107° 04' 14"					E-48-83-A-a
cầu Hiền Lương	KX	xã Trung Hải	H. Gio Linh	17° 00' 18"	107° 02' 59"					E-48-71-C-c
thôn Xuân Hòa	DC	xã Trung Hải	H. Gio Linh	17° 00' 26"	107° 03' 15"					E-48-83-A-a
thôn Xuân Long	DC	xã Trung Hải	H. Gio Linh	16° 59' 50"	107° 04' 27"					E-48-83-A-a
thôn Xuân My	DC	xã Trung Hải	H. Gio Linh	16° 59' 29"	107° 05' 52"					E-48-83-A-a
quốc lộ 1A	KX	xã Trung Sơn	H. Gio Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 576	KX	xã Trung Sơn	H. Gio Linh			16° 53' 25"	107° 00' 37"	16° 58' 57"	107° 03' 23"	E-48-83-A-a
thôn An Xá	DC	xã Trung Sơn	H. Gio Linh	16° 57' 32"	107° 02' 33"					E-48-83-A-a
sông Bến Hải	TV	xã Trung Sơn	H. Gio Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-82-B E-48-83-A-a
thôn Đồng Thị	DC	xã Trung Sơn	H. Gio Linh	16° 56' 46"	107° 01' 49"					E-48-83-A-a
thôn Giang Xuân Hải	DC	xã Trung Sơn	H. Gio Linh	16° 58' 31"	107° 01' 13"					E-48-83-A-a
khe Hói Cụ	TV	xã Trung Sơn	H. Gio Linh			16° 57' 39"	106° 58' 58"	16° 58' 38"	106° 59' 54"	E-48-82-B
thôn Kinh Môn	DC	xã Trung Sơn	H. Gio Linh	16° 57' 47"	107° 01' 51"					E-48-83-A-a
hồ Kinh Môn	TV	xã Trung Sơn	H. Gio Linh	16° 56' 44"	107° 00' 12"					E-48-82-B E-48-83-A-a
thôn Kinh Thị	DC	xã Trung Sơn	H. Gio Linh	16° 58' 28"	107° 02' 35"					E-48-83-A-a
thôn Võ Xá	DC	xã Trung Sơn	H. Gio Linh	16° 58' 50"	107° 03' 14"					E-48-83-A-a
sông Bến Hải	TV	xã Vĩnh Trường	H. Gio Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Gia Voòng	DC	xã Vĩnh Trường	H. Gio Linh	16° 57' 14"	106° 56' 53"					E-48-82-B
Khe Mướp	TV	xã Vĩnh Trường	H. Gio Linh			16° 52' 50"	106° 55' 20"	16° 56' 00"	106° 56' 40"	E-48-82-B
Nghĩa trang Liệt sỹ Quốc gia Trường Sơn	KX	xã Vĩnh Trường	H. Gio Linh	16° 57' 33"	106° 57' 10"					E-48-82-B
thôn Trường Thành	DC	xã Vĩnh Trường	H. Gio Linh	16° 57' 21"	106° 57' 01"					E-48-82-B
thôn Xóm Bàu	DC	xã Vĩnh Trường	H. Gio Linh	16° 56' 56"	106° 57' 14"					E-48-82-B
thôn Xóm Cồn	DC	xã Vĩnh Trường	H. Gio Linh	16° 57' 10"	106° 57' 01"					E-48-82-B
thôn Xóm Tre	DC	xã Vĩnh Trường	H. Gio Linh	16° 57' 06"	106° 57' 12"					E-48-82-B
khóm 1	DC	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng	16° 42' 11"	107° 15' 10"					E-48-83-D-a
quốc lộ 1A	KX	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-C E-48-83-D-a
khóm 2	DC	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng	16° 42' 05"	107° 15' 03"					E-48-83-D-a
khóm 3	DC	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng	16° 41' 48"	107° 14' 48"					E-48-83-C
khóm 4	DC	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng	16° 41' 40"	107° 14' 25"					E-48-83-C
khóm 5	DC	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng	16° 41' 26"	107° 14' 39"					E-48-83-C
khóm 6	DC	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng	16° 41' 11"	107° 14' 58"					E-48-83-D-a
đường tỉnh 582	KX	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng			16° 41' 29"	107° 14' 30"	16° 46' 54"	107° 19' 59"	E-48-83-C E-48-83-D-a
ga Diên Sanh	KX	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng	16° 41' 09"	107° 14' 53"					E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Nhùng	TV	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng			16° 33' 49"	107° 05' 32"	16° 45' 51"	107° 13' 27"	E-48-83-C
đường tỉnh 582	KX	xã Hải An	H. Hải Lăng			16° 41' 29"	107° 14' 30"	16° 46' 54"	107° 19' 59"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
đường tỉnh 583	KX	xã Hải An	H. Hải Lăng			16° 46' 20"	107° 15' 41"	16° 47' 58"	107° 18' 13"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Đông Tân An	DC	xã Hải An	H. Hải Lăng	16° 47' 12"	107° 19' 15"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
thôn Mỹ Thủy	DC	xã Hải An	H. Hải Lăng	16° 46' 45"	107° 19' 53"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
Đồn Biên phòng Mỹ Thủy	KX	xã Hải An	H. Hải Lăng	16° 46' 49"	107° 19' 40"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
thôn Tây Tân An	DC	xã Hải An	H. Hải Lăng	16° 47' 30"	107° 18' 54"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
thôn Thuận Đầu	DC	xã Hải An	H. Hải Lăng	16° 47' 53"	107° 18' 20"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
đường tỉnh 581	KX	xã Hải Ba	H. Hải Lăng			16° 44' 28"	107° 12' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
đường tỉnh 583	KX	xã Hải Ba	H. Hải Lăng			16° 46' 20"	107° 15' 41"	16° 47' 58"	107° 18' 13"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Ba Du	DC	xã Hải Ba	H. Hải Lăng	16° 45' 43"	107° 17' 21"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Cổ Lũy	DC	xã Hải Ba	H. Hải Lăng	16° 45' 26"	107° 17' 36"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
thôn Đa Nghi	DC	xã Hải Ba	H. Hải Lăng	16° 45' 02"	107° 18' 06"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
kênh N6	TV	xã Hải Ba	H. Hải Lăng			16° 46' 33"	107° 15' 52"	16° 42' 48"	107° 20' 59"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Phú Hải	DC	xã Hải Ba	H. Hải Lăng	16° 46' 33"	107° 15' 56"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Phương Lang	DC	xã Hải Ba	H. Hải Lăng	16° 46' 06"	107° 16' 40"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
thôn Tân Lập	DC	xã Hải Ba	H. Hải Lăng	16° 36' 12"	107° 19' 39"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Hải Ba	H. Hải Lăng			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-D-a E-48-83-D-c
quốc lộ 49B	KX	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng			16° 37' 56"	107° 18' 09"	16° 39' 27"	107° 19' 20"	E-48-83-D-a
thôn Câu Nhi	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 35' 58"	107° 18' 58"					E-48-83-D-c
sông Câu Nhi	TV	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng			16° 34' 23"	107° 15' 19"	16° 37' 24"	107° 18' 44"	E-48-83-C E-48-83-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Hố Lầy	SV	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 35' 18"	107° 17' 01"					E-48-83-D-c
thôn Hội Kỳ	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 38' 01"	107° 18' 35"					E-48-83-D-a
hồ Khe Chanh	TV	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 34' 57"	107° 17' 34"					E-48-83-D-c
thôn Lương Sơn	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 37' 02"	107° 16' 37"					E-48-83-D-c
thôn Mỹ Chánh	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 38' 06"	107° 18' 15"					E-48-83-D-a
cầu Mỹ Chánh	KX	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 38' 00"	107° 18' 03"					E-48-83-D-c
ga Mỹ Chánh	KX	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 37' 46"	107° 18' 12"					E-48-83-D-a
cầu Nhi 1	KX	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 36' 48"	107° 18' 49"					E-48-83-D-c
cầu Nhi 2	KX	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 36' 43"	107° 18' 54"					E-48-83-D-c
sông Ô Lâu	TV	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng			16° 36' 32"	107° 19' 37"	16° 41' 59"	107° 21' 23"	E-48-83-D-a E-48-83-D-c
cầu Phước Tích	KX	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 38' 19"	107° 18' 20"					E-48-83-D-c
thôn Tân Hiệp	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 36' 57"	107° 18' 49"					E-48-83-D-c
thôn Tân Lương	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 37' 16"	107° 17' 18"					E-48-83-D-c
thôn Tân Trưng	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 36' 25"	107° 18' 11"					E-48-83-D-c
sông Thác Ma	TV	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng			16° 34' 54"	107° 13' 49"	16° 38' 30"	107° 18' 17"	E-48-83-C E-48-83-D-c
thôn Văn Phong	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 36' 54"	107° 19' 13"					E-48-83-D-c
thôn Vực Kè	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 37' 27"	107° 17' 29"					E-48-83-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Xuân Lộc	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 37' 35"	107° 17' 46"					E-48-83-D-a
đường tỉnh 581	KX	xã Hải Dương	H. Hải Lăng			16° 44' 28"	107° 12' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-D-a
thôn An Nhơn	DC	xã Hải Dương	H. Hải Lăng	16° 43' 07"	107° 20' 56"					E-48-83-D-a
thôn Diên Khánh	DC	xã Hải Dương	H. Hải Lăng	16° 43' 49"	107° 19' 50"					E-48-83-D-a
thôn Đông Dương	DC	xã Hải Dương	H. Hải Lăng	16° 43' 32"	107° 20' 15"					E-48-83-D-a
thôn Kim Giao	DC	xã Hải Dương	H. Hải Lăng	16° 44' 08"	107° 19' 24"					E-48-83-D-a
Khe Lấp	TV	xã Hải Dương	H. Hải Lăng			16° 44' 31"	107° 19' 28"	16° 43' 20"	107° 18' 56"	E-48-83-D-a
kênh N6	TV	xã Hải Dương	H. Hải Lăng			16° 46' 33"	107° 15' 52"	16° 42' 48"	107° 20' 59"	E-48-83-D-a
sông Ô Lâu	TV	xã Hải Dương	H. Hải Lăng			16° 36' 32"	107° 19' 37"	16° 41' 59"	107° 21' 23"	E-48-83-D-a
cầu Vân Trình	KX	xã Hải Dương	H. Hải Lăng	16° 41' 59"	107° 21' 23"					E-48-83-D-a
sông Vĩnh Định	TV	xã Hải Dương	H. Hải Lăng			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-D-a
thôn Xuân Viên	DC	xã Hải Dương	H. Hải Lăng	16° 42' 54"	107° 21' 15"					E-48-83-D-a
thôn An Thơ	DC	xã Hải Hòa	H. Hải Lăng	16° 40' 56"	107° 19' 58"					E-48-83-D-a
thôn Hội Điền	DC	xã Hải Hòa	H. Hải Lăng	16° 41' 46"	107° 18' 54"					E-48-83-D-a
thôn Hưng Nhơn	DC	xã Hải Hòa	H. Hải Lăng	16° 40' 24"	107° 19' 24"					E-48-83-D-a
kênh Mai Lĩnh	TV	xã Hải Hòa	H. Hải Lăng			16° 41' 54"	107° 17' 38"	16° 42' 10"	107° 19' 25"	E-48-83-D-a

(Xem tiếp Công báo số 311 + 312)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng